

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN THỊ NGỌC LAN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ AN SINH XÃ HỘI TỪ THỰC TIỄN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN THỊ NGỌC LAN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ AN SINH XÃ HỘI TỪ THỰC TIỄN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. TRẦN MINH ĐỨC

HÀ NỘI, năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng các số liệu và kết quả trong luận văn là hoàn toàn trung thực và chưa được sử dụng để bảo vệ một học vị nào; mọi số liệu và thông tin trích dẫn trong luận văn đều được chỉ rõ nguồn gốc.

Tác giả luận văn

Trần Thị Ngọc Lan

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN SINH XÃ HỘI	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò quản lý nhà nước về an sinh xã hội	7
1.2. Nội dung quản lý nhà nước về an sinh xã hội.....	15
1.3. Phương thức quản lý nhà nước về an sinh xã hội	18
1.4. Các yếu tố tác động đến việc quản lý nhà nước về an sinh xã hội	21
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN SINH XÃ HỘI TẠI QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	27
2.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội của quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.....	27
2.2. Tình hình an sinh xã hội tại quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng ..	29
2.3. Tình hình quản lý nhà nước về an sinh xã hội tại quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.....	39
2.4. Những ưu điểm và hạn chế, bất cập trong quản lý nhà nước an sinh xã hội tại quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.....	42
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN SINH XÃ HỘI QUA THỰC THI TRÊN THỰC TIỄN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	51
3.1. Nhu cầu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội	51
3.2. Phương hướng nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ASXH từ thực tiễn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.....	52
3.3. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội từ thực tiễn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	56
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Diễn giải
ASXH	An sinh xã hội
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHXHBB	Bảo hiểm xã hội bắt buộc
BHXHTN	Bảo hiểm xã hội tự nguyện
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHYTBB	Bảo hiểm y tế bắt buộc
BHYTTN	Bảo hiểm y tế tự nguyện
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BTXH	Bảo trợ xã hội
CNH, HDH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
KCB	Khám chữa bệnh
KTTT	Kinh tế thị trường
LD-TB&XH	Lao động – Thương binh và Xã hội
NCT	Người cao tuổi
NSNN	Ngân sách nhà nước
NTT	Người tàn tật
QLNN	Quản lý nhà nước
TEMC	Trẻ em mồ côi
TCXH	Trợ cấp xã hội
TGXH	Trợ giúp xã hội
TGXHĐX	Trợ giúp xã hội đột xuất
TGXHTX	Trợ giúp xã hội thường xuyên
ƯĐXH	Ưu đãi xã hội
XĐGN	Xóa đói giảm nghèo
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1.	Tình hình tham gia BHXH từ năm 2012 đến năm 2015 trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	30
2.2.	Tình hình thực hiện bảo trợ xã hội trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến 2015	34
2.3.	Tình hình chính sách ưu đãi người có công trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng năm 2015	36
2.4.	Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn từ năm 2013 đến năm 2015	39

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền được hưởng ASXH là một trong những quyền cơ bản và là một đòi hỏi chính đáng xuất phát từ nhu cầu phòng tránh rủi ro của con người. Tuyên ngôn Nhân quyền của Liên hợp quốc ngày 10/12/1948 đã ghi nhận: *Tất cả mọi người với tư cách là thành viên của xã hội có quyền hưởng ASXH. Quyền đó đặt cơ sở trên sự thoả mãn các quyền về kinh tế, xã hội và văn hoá cần thiết cho sự tự do phát triển cá nhân.* Để cụ thể hoá quyền được hưởng ASXH, tổ chức Lao động quốc tế đã khẳng định *"ASXH là sự bảo vệ mà xã hội cung cấp cho các thành viên của mình thông qua một loạt các biện pháp công cộng, nhằm chống lại những khó khăn về KT - XH do bị ngừng hoặc bị giảm thu nhập, gây ra bởi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già và chết; đồng thời, bảo đảm chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình đông con"*.

Nhằm hiện thực hoá nhu cầu phòng tránh rủi ro, từ xa xưa con người đã có các biện pháp như tiết kiệm (*tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn*) hoặc nhờ sự cứu trợ, đùm bọc của cộng đồng (*lá lành đùm lá rách*), v.v. Tuy nhiên, trong nền KTTT, những biện pháp có tính *truyền thống* như trên đã không còn đủ sự an toàn để giúp cho mỗi người có thể tự khắc phục hoặc vượt qua khó khăn khi gặp phải rủi ro trong cuộc sống. Chính vì vậy, công tác quản lý về ASXH luôn được Nhà nước ta quan tâm, nhằm duy trì sự ổn định và phát triển của xã hội. Trong mọi thời kỳ, đảm bảo ASXH luôn là đòi hỏi mang tính *tất yếu khách quan* để nhà nước thực hiện cả chức năng giai cấp và chức năng xã hội của mình.

Trong những năm qua, cùng với hệ thống an sinh xã hội của cả nước, hệ thống an sinh xã hội quận Ngũ Hành Sơn đã được thành lập và đi vào hoạt động, đưa Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế vào cuộc sống,

chăm lo đời sống cho những hộ nghèo, gia đình liệt sĩ, thương binh,... quận Ngũ Hành Sơn đã đạt được những thành tựu quan trọng về kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng – an ninh được đảm bảo, đời sống nhân dân được cải thiện và nâng lên. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn nhiều vấn đề bất cập: *Tình trạng nghèo đói, bất bình đẳng trong thu nhập ngày càng rõ rệt; quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế dẫn đến người nông dân không còn đất sản xuất, buộc họ phải di chuyển từ nông thôn ra thành thị để tìm việc làm, chấp nhận cuộc sống bấp bênh và nhiều rủi ro; dân số ngày càng già hoá; cuộc khủng hoảng kinh tế diễn ra trên phạm vi toàn cầu đã dẫn đến tình trạng thất nghiệp, đe dọa đến cuộc sống của nhiều người lao động, nhất là lao động thu nhập thấp, lao động phổ thông, v.v. Hậu quả chiến tranh, tình trạng thất nghiệp, bệnh tật, ốm đau và sự tác động của thiên tai, luôn là nguy cơ đẩy người dân rơi vào cảnh nghèo đói.* Nếu Nhà nước không quản lý ASXH hiệu quả thì đây sẽ là rào cản và mầm mống của những bất ổn về chính trị, kinh tế và xã hội, ngăn trở quá trình xây dựng một xã hội "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Với mong muốn đóng góp một phần kiến thức của bản thân vào việc nghiên cứu vấn đề an sinh xã hội ở địa phương, tôi đã quyết định chọn đề tài: "*Quản lý nhà nước về an sinh xã hội từ thực tiễn quận Ngũ Hành Sơn*" làm đề tài cho luận văn tốt nghiệp của mình. Đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, tạo điều kiện cho các cơ quan chính quyền, đoàn thể và nhân dân có thể nhận diện bức tranh toàn cảnh về công tác quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

2. Tình hình nghiên cứu

Liên quan đến đề tài nghiên cứu, đã có nhiều thông tin, công trình nghiên cứu, cụ thể như:

- Luận án tiến sĩ luật học "*Cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về ASXH ở Việt Nam*", tác giả Nguyễn Hiền Phương.

- Luận án tiến sĩ triết học “*Chính sách an sinh xã hội và vai trò của nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam*”, tác giả Nguyễn Văn Chiếu.

- Bài “*Hệ thống chính sách ASXH ở nước ta trong giai đoạn phát triển mới*”, tác giả Nguyễn Trọng Đàm (Tạp chí Lao động và Xã hội, số 21/2009).

- Sách “*Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách ASXH ở Việt Nam hiện nay*” (Nxb Chính trị quốc gia, 2009) do tác giả Mai Ngọc Cường làm chủ biên.

- Sách “*An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới 2020*” (Nxb Chính trị quốc gia, 2012) do tác giả Vũ Văn Phúc chủ biên.

Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về quản lý nhà nước về an sinh xã hội, nhất là gắn với quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Do đó, đề tài này không trùng lặp với các công trình đã công bố, đề tài này có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu đánh giá công tác quản lý nhà nước về an sinh xã hội trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Khắc phục những bất cập hiện nay, đề xuất giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội ở quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Làm rõ những nội dung lý luận về an sinh xã hội và quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về an sinh xã hội ở quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng; chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong quản lý nhà nước về an sinh xã hội ở quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội những năm tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là quản lý nhà nước về ASXH tại quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Nghiên cứu trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Về thời gian: Sử dụng các thông tin, tư liệu từ năm 2011 đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí minh; quan điểm, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về vấn đề an sinh xã hội và quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

** Phương pháp thu thập thông tin:*

- Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp:

+ Điều tra thu thập tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội trên địa bàn nghiên cứu.

+ Tổng quan tài liệu, thống kê tư liệu đã có về tình hình an sinh xã hội và quản lý nhà nước về an sinh xã hội trên quy mô cả nước và thành phố.

- Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp:

+ Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: Điều tra, khảo sát thực địa về tình hình quản lý nhà nước về an sinh xã hội của các nhóm dự án điển hình trên địa bàn thành phố.

+ Phương pháp chuyên gia: sử dụng ý kiến các chuyên gia tư vấn, các nhà quản lý, đặc biệt là các chuyên gia trong lĩnh vực an sinh xã hội.

+ Phương pháp quan sát thực tế: Tiến hành đi thực địa, quan sát, chụp ảnh thực tế nhằm kiểm tra các thông tin thu thập.

+ Phương pháp phỏng vấn hộ: Phỏng vấn người dân để tìm hiểu sự ảnh hưởng của việc quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

* *Phương pháp phân tích và xử lý số liệu*

- Phương pháp thống kê mô tả: Phương pháp này được dùng để thống kê mô tả tình hình của địa bàn nghiên cứu, phân nhóm hộ và lựa chọn hộ điều tra phỏng vấn.

- Phương pháp so sánh: So sánh các trường hợp khác nhau trong quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

- Phương pháp phân tích: Phân tích những tác động của việc quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước về ASXH ở nước ta nói chung và ở quận Ngũ Hành Sơn nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy. Những phương hướng và giải pháp được luận văn đề xuất có thể gợi mở cho các cơ quan quản lý có những điều chỉnh phù hợp để quản lý nhà nước về ASXH hiệu quả hơn, qua đó góp phần nâng cao vai trò của Nhà nước trong thực hiện chính sách ASXH ở nước ta nói chung và ở quận Ngũ Hành Sơn nói riêng hiện nay.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm 3 chương, cụ thể:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp lý quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về an sinh xã hội tại quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội từ thực tiễn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ

VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN SINH XÃ HỘI

1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò quản lý nhà nước về an sinh xã hội

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm quản lý nhà nước về an sinh xã hội

An sinh xã hội là gì?

Trong thực tiễn, do sự đa dạng về nội dung, phương thức và góc độ tiếp cận nên hiện nay có rất nhiều quan điểm khác nhau về ASXH.

- Theo quan niệm của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO): *ASXH là hình thức bảo vệ mà xã hội cung cấp cho các thành viên của mình thông qua một số biện pháp được áp dụng rộng rãi để đương đầu với những khó khăn, các cú sốc về kinh tế và xã hội làm mất hoặc suy giảm nghiêm trọng thu nhập do ốm đau, thai sản, thương tật do lao động, mất sức lao động hoặc tử vong, cung cấp chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình nạn nhân có trẻ em [10, tr.289].*

- Theo PGS.TS Nguyễn Hải Hữu thì *ASXH là một hệ thống các cơ chế, chính sách, biện pháp của Nhà nước và xã hội nhằm trợ giúp mọi thành viên trong xã hội đối phó với các rủi ro, các cú sốc về kinh tế - xã hội làm cho họ có nguy cơ suy giảm, mất nguồn thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn, bệnh nghề nghiệp, già cả không còn sức lao động hoặc vì những nguyên nhân khác quan rơi vào hoàn cảnh nghèo khổ và cung cấp các dịch vụ sức khỏe cho cộng đồng, thông qua hệ thống mạng lưới về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ giúp xã hội [10, tr.290].*

- GS.TS Mai Ngọc Cường lại cho rằng, để thấy hết được bản chất, chúng ta phải tiếp cận ASXH theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp của khái niệm này.

+ Theo nghĩa rộng: *ASXH là sự đảm bảo thực hiện các quyền để con người được an bình, đảm bảo an ninh, an toàn trong xã hội [11, tr.21].*

+ Theo nghĩa hẹp: *ASXH là sự đảm bảo thu nhập và một số điều kiện thiết yếu khác cho cá nhân, gia đình và cộng đồng khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do họ bị giảm hoặc mất khả năng lao động hoặc mất việc làm; cho những người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, những người yếu thế, người bị thiên tai địch họa [11, tr.22].*

- Chiến lược ASXH giai đoạn 2011 – 2020 ghi nhận: *An sinh xã hội là sự bảo đảm mà xã hội cung cấp cho mọi thành viên trong xã hội thông qua việc thực thi hệ thống các cơ chế, chính sách và biện pháp can thiệp trước các nguy cơ, rủi ro có thể dẫn đến suy giảm hoặc mất đi nguồn sinh kế [4].*

Trên cơ sở phân tích các quan điểm về ASXH đã có, tôi cho rằng: *An sinh xã hội là những can thiệp của Nhà nước và xã hội bằng các biện pháp kinh tế để hạn chế, phòng ngừa và khắc phục rủi ro cho các thành viên trong cộng đồng do bị mất hoặc giảm thu nhập bởi các nguyên nhân ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già và chết; đồng thời, bảo đảm chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình đông con.*

An sinh xã hội có những đặc trưng sau:

Thứ nhất, đối tượng của ASXH bao gồm các nhóm đối tượng: Người lao động và gia đình họ; Người có công với cách mạng, người đóng góp công sức cho tổ quốc; Người già cô đơn, trẻ mồ côi không nơi nương tựa, người tàn tật, người nghèo khó, túng thiếu; Người gặp thiên tai hoả hoạn, địch họa hoặc các rủi ro khác.

Thứ hai, ASXH nhằm bù đắp một phần thu nhập cho cho những người bị mất hoặc bị giảm khả năng lao động.

Thứ ba, ASXH là sự trợ giúp vừa mang tính kinh tế, vừa mang tính xã hội. Sự thụ hưởng của các bên được đảm bảo thực hiện trên cơ sở sự đóng góp nhưng cũng tính đến yếu tố cộng đồng, yếu tố nhân đạo.

Thứ tư, nguồn quỹ của ASXH rất đa dạng có thể do sự hỗ trợ từ ngân sách của nhà nước, của người lao động, người sử dụng lao động, có thể do sự hỗ trợ quyên góp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

Thứ năm, về bản chất, ASXH là sự san sẻ trách nhiệm của mọi người đối với những người gặp rủi ro, khó khăn hoặc những yếu tố khác mà bị giảm hoặc mất thu nhập do bị giảm hoặc mất khả năng lao động.

Khái niệm quản lý nhà nước về an sinh xã hội

Để nghiên cứu khái niệm quản lý nhà nước về an sinh xã hội, trước hết cần làm rõ khái niệm quản lý nhà nước.

Quản lý nhà nước là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực Nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội và trật tự pháp luật nhằm thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, quản lý nhà nước là hoạt động mang tính chất quyền lực nhà nước, được sử dụng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội. Quản lý nhà nước được xem là một hoạt động chức năng của nhà nước trong quản lý xã hội và có thể xem là hoạt động chức năng đặc biệt. Quản lý nhà nước được hiểu theo hai nghĩa.

Theo nghĩa rộng: quản lý nhà nước là toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước, từ hoạt động lập pháp, hoạt động hành pháp, đến hoạt động tư pháp.

Theo nghĩa hẹp: quản lý nhà nước chỉ bao gồm hoạt động hành pháp.

Quản lý nhà nước được đề cập trong đề tài này là khái niệm quản lý nhà nước theo nghĩa rộng; quản lý nhà nước bao gồm toàn bộ các hoạt động từ ban hành các văn bản luật, các văn bản mang tính luật đến việc chỉ đạo trực tiếp hoạt động của đối tượng bị quản lý và vấn đề tư pháp đối với đối tượng quản lý cần thiết của Nhà nước. Hoạt động quản lý nhà nước chủ yếu và trước hết được thực hiện bởi tất cả các cơ quan nhà nước, song có thể các tổ chức

chính trị - xã hội, đoàn thể quần chúng và nhân dân trực tiếp thực hiện nếu được nhà nước uỷ quyền, trao quyền thực hiện chức năng của nhà nước theo quy định của pháp luật.

Từ những nghiên cứu nêu trên về ASXH và khái niệm về quản lý nhà nước, ta có thể hiểu: *Quản lý nhà nước về an sinh xã hội là quá trình tác động có tổ chức và bằng các cơ chế, chính sách, các giải pháp của Nhà nước, thể hiện quyền lực của Nhà nước nhằm hạn chế, phòng ngừa và khắc phục rủi ro cho các thành viên trong cộng đồng do bị mất hoặc giảm thu nhập bởi các nguyên nhân ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già và chết; đồng thời, bảo đảm chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình chính sách có công cách mạng.*

QLNN về ASXH có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, QLNN về ASXH chính là sự an toàn.

Vấn đề của ASXH liên quan trực tiếp đến quyền lợi và sự phát triển của con người. Con người chính là mục tiêu trung tâm và yêu cầu của phát triển bền vững. Chính sách ASXH của một quốc gia phản ánh quan điểm, mục tiêu, nội dung và biện pháp giải quyết vấn đề xã hội của giai cấp thống trị. Việc đảm bảo ASXH luôn được các nhà nước coi là một nhiệm vụ trọng tâm để tạo sự ổn định của xã hội. Chính vì thế, các quốc gia luôn đặt "chính sách ASXH được đặt ngang tầm với chính sách kinh tế và phù hợp với khả năng của nền kinh tế".

Thứ hai, QLNN về ASXH góp phần thực hiện mục tiêu tái phân phối của cải xã hội, giảm bớt sự phân hoá giàu nghèo và phân tầng xã hội.

Việc QLNN về ASXH nhằm tạo ra sự ổn định xã hội, đảm bảo công bằng và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, thực hiện tốt công tác QLNN về ASXH còn góp phần nâng cao năng suất lao động, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu lao động nói riêng và toàn bộ quá trình phát triển kinh tế nói chung.

Nhà nước thực hiện quản lý về ASXH nhằm điều chỉnh các quan hệ xã

hội theo các mục tiêu và phương hướng đã định sẵn, làm cho xã hội ổn định và trật tự, tạo tiền đề để nhà nước thực hiện các nhiệm vụ và chức năng khác tốt hơn. Chính vì vậy, hiện nay các nhà nước luôn quan tâm và giữ vai trò quản lý thống nhất trong việc thực hiện chính sách ASXH.

Thứ ba, QLNN về ASXH thể hiện sự ghi nhận quyền cơ bản của con người, là công cụ để xây dựng một xã hội hài hòa, công bằng và không có sự loại trừ.

Quyền hưởng ASXH không phải là đặc quyền cá nhân mà là quyền cơ bản của mỗi cá nhân sống trong cộng đồng. Theo Luật quốc tế thì quyền hưởng ASXH là một quyền con người, được quy định trong Điều 22 của Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền ngày 10/12/1948: "Với tư cách là một thành viên của xã hội, mọi người đều có quyền được hưởng bảo đảm xã hội. Quyền đó đặt cơ sở trên sự thoả mãn các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá cần cho nhân cách và tự do phát triển con người" [24, tr.9-10]. Với quy định và định hướng như trên, cho nên hầu hết các quốc gia trên thế giới đều ghi nhận quyền hưởng các chế độ ASXH đối với công dân trong các văn bản pháp luật cao nhất. Tuy theo mỗi nước, do đặc thù về điều kiện chính trị - kinh tế - xã hội – văn hoá mà mức độ ghi nhận quyền hưởng ASXH cũng không giống nhau. Mức độ đảm bảo ASXH trở thành một thước đo trình độ công bằng và tiến bộ của mỗi xã hội, mỗi nhà nước.

QLNN về ASXH còn thể hiện chủ nghĩa nhân đạo và truyền thống đoàn kết, giúp đỡ, tương thân tương ái lẫn nhau của cộng đồng với những thành viên của mình. Chính sách ASXH dựa trên nguyên tắc cơ bản là sự đoàn kết, chia sẻ và tương trợ cộng đồng giữa các nhóm, các thế hệ người với nhau. Từ đó, nó thúc đẩy sự đồng thuận, bình đẳng và công bằng trong xã hội, tạo tiền đề cho các nhân tố kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội khác có điều kiện phát triển.

Nhìn nhận một cách khái quát nhất thì QLNN về ASXH là một biện pháp

được nhà nước thực hiện nhằm tạo sự gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội và công bằng xã hội. QLNN về ASXH có quan hệ chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế. Thực hiện QLNN về ASXH vừa là động lực, vừa là thành quả của tăng trưởng kinh tế, thể hiện sự phân phối thành quả của tăng trưởng. Tăng trưởng kinh tế tạo cơ sở và điều kiện vật chất để thực hiện QLNN về ASXH được tốt hơn. Đến lượt mình, QLNN về ASXH hiệu quả là động lực, mục tiêu của tăng trưởng kinh tế. ASXH không được bảo đảm sẽ gây cản trở cho tăng trưởng kinh tế ở giai đoạn tiếp theo.

1.1.2. Vai trò quản lý nhà nước về an sinh xã hội

Có thể nói QLNN về ASXH hiệu quả sẽ *góp phần* quan trọng vào sự phát triển của mỗi quốc gia. QLNN về ASXH nói chung giúp giữ gìn sự ổn định về xã hội - kinh tế - chính trị của đất nước, góp phần tạo nên sự ổn định xã hội, giảm bất bình đẳng, hạn chế phân hoá giàu nghèo, phân tầng xã hội; tạo nên sự đồng thuận giữa các giai tầng, các nhóm xã hội trong quá trình phát triển, cụ thể như sau:

Thứ nhất, ổn định chính trị, ổn định cuộc sống, phòng ngừa rủi ro cho người dân. Việc QLNN về ASXH có vai trò quan trọng đối với người dân trong việc phòng ngừa rủi ro. Thực tiễn cho thấy, trong điều kiện tự nhiên biến đổi khí hậu như hiện nay, thì mọi hoạt động kinh tế để bảo đảm thu nhập của người dân lại thường xuyên bị đe dọa. Vì thế phát triển hệ thống phòng ngừa rủi ro có ý nghĩa quan trọng cho việc ổn định cuộc sống của người dân khi họ đương đầu với những khó khăn về kinh tế. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, chi phí cho phòng ngừa rủi ro sẽ thấp hơn rất nhiều so với chi phí để khắc phục rủi ro. Nói cách khác, nếu đem so sách hai loại chi phí này thì chi phí cho các chính sách, chương trình mang tính chất phòng ngừa sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Như vậy, trong đời sống xã hội có những rủi ro mà người ta biết trước nó chắc chắn sẽ diễn ra như già yếu, không còn khả năng lao động... Để phòng ngừa, giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực từ những rủi

ro này Nhà nước nên tạo môi trường thuận lợi để người dân có điều kiện đóng góp tham gia từ khi còn trong độ tuổi lao động, đến khi về già họ có khả năng đối phó với rủi ro này nhờ vào lương hưu hoặc tiền bảo hiểm tuổi già... Vì thế, cuộc sống người dân ổn định, nghĩa là phần lớn xã hội ổn định, tạo nên một xã hội ổn định về chính trị, tạo tiền đề phát triển kinh tế

Thứ hai, đảm bảo phát triển kinh tế bền vững. Phát triển kinh tế bền vững là khái niệm chỉ sự phát triển kinh tế phải đảm bảo được ba mục tiêu: vừa đảm bảo tăng trưởng kinh tế, vừa đảm bảo được bình đẳng, công bằng xã hội, vừa bảo vệ tài nguyên môi trường. QLNN về ASXH đối với người dân sẽ giải quyết những vấn đề liên quan đến giảm thiểu rủi ro, hạn chế tính dễ bị tổn thương và khắc phục hậu quả của rủi ro thông qua các chính sách và chương trình cụ thể nhằm giúp cho người nông dân ổn định cuộc sống, tái hoà nhập cộng đồng thông qua “sức bật” của các lưới ASXH hoặc bảo đảm cho họ có mức sống ở mức tối thiểu không bị rơi vào tình cảnh bần cùng hoá. Điều đó cũng có nghĩa là giải quyết quan hệ bình đẳng, công bằng đối với người dân trong quá trình phát triển.

Thêm nữa, việc thực hiện tốt QLNN về ASXH sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và ổn định, vì đối với các nhà đầu tư trong hay ngoài nước họ không chỉ chú ý đến các cơ hội kiếm lời về kinh tế mà còn chú ý đặc biệt đến các yếu tố ổn định về mặt xã hội. Một xã hội ổn định giúp các nhà đầu tư yên tâm đầu tư phát triển lâu dài, tạo điều kiện cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh và ổn định. Ngược lại, một xã hội không ổn định sẽ dẫn đến việc đầu tư ngắn hạn, làm ăn theo kiểu “chộp giật” làm cho nền kinh tế tăng trưởng không bền vững. Mặt khác, bản thân sự phát triển hệ thống ASXH hiện đại đối với người dân cũng là một lĩnh vực dịch vụ “có thu” tạo nguồn tài chính cho phát triển kinh tế của đất nước, đặc biệt là lĩnh vực BHXH, BHYT.

Thứ ba, hoàn thiện công cụ quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước.

ASXH nói chung là một trong những công cụ quản lý mà chính phủ dùng để điều hành, quản lý và phát triển xã hội. Thông qua hệ thống này chính phủ sẽ tác động đến người dân, trợ giúp cho họ có cơ hội tiếp cận việc làm, có thu nhập, làm giảm sự bất bình đẳng xã hội, phân hoá giàu nghèo, phân tầng xã hội, từ đó tạo nên sự ổn định về kinh tế, chính trị và xã hội. Như vậy, ASXH đối với người dân được đảm bảo, nhà nước thực hiện tốt chức năng quản lý kinh tế - xã hội, điều đó đảm bảo cho tính hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước đối với xã hội.

QLNN về ASXH góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Quỹ ASXH, trong đó có quỹ BHXH là nguồn tài chính tập trung khá lớn, được sử dụng để chi trả các chế độ cho người lao động và gia đình họ, phần nhàn rỗi được đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh để bảo tồn và tăng trưởng quỹ. QLNN về ASXH ngày càng hoàn thiện, đời sống người dân được nâng cao hơn, người dân ngày càng có cơ hội tham gia vào các quỹ ASXH một cách chính thức, vừa đảm bảo cuộc sống cho họ, vừa giúp nguồn tài chính của an sinh dồi dào hơn, thúc đẩy việc đầu tư sinh lợi nhuận, làm gia tăng quỹ. Như vậy, xét trên cả phương diện chi trả các chế độ, cũng như đầu tư tăng trưởng quỹ, hoạt động của quỹ ASXH đều góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế.

Như trên đã đề cập, việc QLNN về ASXH góp phần tạo nên một chế độ chính trị ổn định, qua đó tạo điều kiện cho nền kinh tế ổn định và tăng trưởng nhanh bởi lẽ đối với các nhà kinh tế trong hay ngoài nước, khi tìm kiếm môi trường đầu tư, họ không chỉ quan tâm đến các cơ hội kiếm lời về kinh tế, mà họ còn đặc biệt chú ý tới các yếu tố ổn định về mặt xã hội. Một xã hội ổn định sẽ giúp các nhà đầu tư yên tâm đầu tư phát triển lâu dài, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển bền vững.

1.2. Nội dung quản lý nhà nước về an sinh xã hội

Xuất phát từ tính xã hội của Nhà nước, nội dung quản lý Nhà nước về ASXH bao gồm việc tạo lập môi trường thể chế, chính sách, tổ chức quản lý và kiểm tra, giám sát việc thực thi hệ thống ASXH đó đối với người dân. Từ đó, nội dung quản lý Nhà nước về ASXH được thể hiện:

Thứ nhất, Nhà nước xây dựng và hoàn thiện mô hình luật pháp và thể chế chính sách an sinh xã hội

Thiết lập hệ thống luật pháp và thể chế chính sách là nội dung quan trọng hàng đầu thể hiện vai trò quản lý của Nhà nước về ASXH đối với người dân. Bởi lẽ ở mọi nước, hệ thống luật pháp và thể chế chính sách luôn luôn là chức năng của Nhà nước, do nhà nước chứ không phải do một cá nhân nào xây dựng. Hiệu quả công tác QLNN về ASXH trong việc xây dựng hệ thống luật pháp và thể chế chính sách an sinh cao hay thấp, thể hiện ở chỗ hệ thống luật pháp và thể chế chính sách đó có đầy đủ, đồng bộ, phù hợp để thu hút rộng rãi người dân tham gia và đảm bảo sự tác động mạnh mẽ đến sự thụ hưởng an sinh của người dân tham gia đến mức như thế nào. Nếu người dân tham gia ngày càng đông, mức độ đáp ứng nhu cầu của người thụ hưởng an sinh càng cao thì hiệu quả công tác QLNN về ASXH trong việc xây dựng hệ thống luật pháp và các thể chế an sinh càng cao và ngược lại.

Thể chế chính sách là một trong các nhóm thể chế quan trọng, được hình thành xuất phát từ nhu cầu thực tế của các thành viên trong xã hội cần bảo vệ trước các nguy cơ bị rủi ro mà họ không tự bảo vệ được. Lúc đầu sự trợ giúp diễn ra trong phạm vi gia đình, các cá nhân, dòng họ, các tổ chức tôn giáo như nhà chùa, nhà thờ... Nhưng khi nhu cầu bảo vệ của các thành viên trong xã hội ngày một lớn hơn cả về quy mô và tần suất xuất hiện, các gia đình, dòng họ, các tổ chức tôn giáo không thể đáp ứng được những nhu cầu đó ở quy mô lớn và nó đòi hỏi Nhà nước phải can thiệp bằng các chính

sách, chương trình cụ thể, từ đó hình thành hệ thống ASXH.

Một trong những nội dung của môi trường luật pháp và thể chế chính sách để người dân tham gia vào ASXH là việc đảm bảo và hỗ trợ tài chính từ NSNN cho ASXH. Bởi lẽ, thực chất ASXH là chương trình đảm bảo thu nhập để phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, nên vấn đề tài chính đảm bảo ASXH là vấn đề then chốt. Ở đây vai trò đảm bảo và hỗ trợ tài chính của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng.

Nhà nước cần phải đảm bảo và hỗ trợ tài chính cho người dân để họ tham gia vào các chương trình ASXH bởi nhiều lý do: 1) ASXH là một trong các hệ thống chính sách xã hội, mà đối tượng của chính sách xã hội thường là những người yếu thế. Đã là người yếu thế trong xã hội, thì các nhà nước đều phải có biện pháp đảm bảo hoặc hỗ trợ tài chính để họ được hưởng các chính sách xã hội nói chung, chính sách ASXH nói riêng; 2) ASXH là quyền được tham gia an sinh của người dân mà nhà nước phải đảm bảo. Việc thực hiện quyền an sinh phải có nguồn tài chính đảm bảo. Khi một nhóm đối tượng nào đó trong xã hội gặp khó khăn về tài chính thì Nhà nước với bản chất xã hội của mình, sẽ có nhiệm vụ đảm bảo hoặc hỗ trợ cho người dân tham gia.

Tuy nhiên, do ASXH bao gồm hai bộ phận chủ yếu là ASXH đóng - hưởng và ASXH không đóng góp như đã nói trên nên vai trò của Nhà nước trong đảm bảo tài chính cho ASXH đối với người dân cũng có mức độ khác nhau. Đối với bộ phận không đóng góp mà dựa vào NSNN và trợ giúp của cộng đồng, Nhà nước là yếu tố quyết định trong đảm bảo tài chính cho bộ phận này. Sự trợ giúp của cộng đồng chỉ mang ý nghĩa bổ sung, thể hiện tính cộng đồng giúp đỡ nhau trong khi bị rủi ro. Thực tiễn nhiều nước cho thấy, các chương trình trợ cấp trợ giúp cho an sinh từ NSNN thể hiện quan điểm của chính phủ các nước trong đảm bảo ASXH cho người dân.

Tóm lại, công tác QLNN trong xây dựng môi trường luật pháp và

thể chế chính sách về ASXH thể hiện ở chỗ: 1) Nhà nước xây dựng hệ thống luật pháp về ASXH đối với người dân, quy định người dân sẽ tham gia vào hình thức ASXH nào? 2) Nhà nước xây dựng các thể chế chính sách quy định về điều kiện tham gia, các mức đóng, mức hưởng và các điều kiện ràng buộc đối với người tham gia; 3) Nhà nước cam kết việc đảm bảo hoặc hỗ trợ tài chính cho đối tượng tham gia vào ASXH.

Thứ hai, Nhà nước phối hợp thực hiện chính sách an sinh xã hội với các chính sách kinh tế - xã hội khác

Việc phối hợp chặt chẽ giữa chính sách ASXH với các chính sách kinh tế - xã hội khác là một trong những nhiệm vụ quan trọng của vai trò nhà nước về ASXH đối với người dân. Bởi lẽ ASXH là một hệ thống chính sách trong các hệ thống chính sách kinh tế - xã hội của một quốc gia, do Nhà nước xây dựng lên. Các hệ thống chính sách này vì thế có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau thì mới đảm bảo cho nó thực hiện được các mục tiêu của mình.

Chính sách ASXH có mục tiêu là đảm bảo an sinh cho người dân, sự thành công của nó trước hết là ở chỗ, người dân tham gia ngày càng đông đảo. Do vậy, để thực hiện ASXH đối với người dân thì điều thiết yếu trước tiên là phải đảm bảo cho những người có thu nhập và có tích lũy đủ để tham gia BHXH và BHYT. Như vậy, họ mới chủ động tham gia vào hệ thống ASXH. Đối với những người không đủ khả năng tham gia vào BHXH, BHYT thì Nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ người dân thông qua các chương trình XĐGN, TGXH và cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho họ có thu nhập, có tích lũy từng bước vững chắc hòa nhập vào hệ thống BHXH và BHYT. Vì thế, chính sách ASXH có mối liên hệ chặt chẽ với hệ thống các chính sách kinh tế - xã hội khác như chính sách khuyến khích sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chính sách việc làm, thu nhập, chính

sách XĐGN, chính sách cung ứng các dịch vụ xã hội cơ bản và dịch vụ xã hội cá nhân của người dân.

Tóm lại, cùng với các thể chế chính sách ASXH, Nhà nước có vai trò xây dựng các chính sách kinh tế - xã hội khác để tạo điều kiện cho người dân có thu nhập tham gia vào ASXH.

Thứ ba, Nhà nước kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách về an sinh xã hội

Kiểm tra, giám sát là một trong những nội dung quan trọng của QLNN về ASXH đối với người dân. Đây là một trong những nhân tố có tính quyết định trong việc tổ chức thực hiện thắng lợi các chương trình ASXH. Cho dù chính sách có tốt đến mấy nhưng không được kiểm tra, giám sát thực thi thì chính sách sẽ không đi vào cuộc sống, người dân vẫn không có cơ hội tham gia vào các loại hình bảo hiểm và các chương trình trợ giúp. Vì thế, trong quá trình thực hiện, việc Nhà nước tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo tính hiệu lực, tính nghiêm minh trong việc thực hiện các mục tiêu của ASXH đối với người dân có ý nghĩa quan trọng.

Việc bảo đảm tính minh bạch và kiểm soát của xã hội, cộng đồng, của Nhà nước, của người dân trong việc quản lý hoạt động của các quỹ ASXH là hết sức quan trọng. Cần phát huy tối đa vai trò của kiểm toán độc lập trong việc giúp Nhà nước, cộng đồng giám sát việc thực thi của cơ quan và người quản lý các quỹ ASXH. Hơn ở đâu hết, phải triệt để chống tham nhũng và bảo đảm tính minh bạch trong quản lý các quỹ ASXH thì mới có thể huy động được mọi tiềm lực của xã hội và người dân trong việc hình thành, phát triển các quỹ ASXH.

1.3. Phương thức quản lý nhà nước về an sinh xã hội

Thứ nhất, triển khai các văn bản pháp luật quy định về an sinh xã hội

Cho đến nay, Việt Nam chưa có một hệ thống ASXH hoàn chỉnh, tuy nhiên, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản về ASXH (do Bộ Lao động -

Thương binh và Xã hội quản lý) liên quan đến các đối tượng khác nhau như: BHXH; cứu trợ xã hội đối với những người nghèo, người không may bị rủi ro trong cuộc sống; ưu đãi xã hội đối với người có công, chương trình mục tiêu giảm nghèo...

Hệ thống pháp luật về an sinh xã hội từng bước được hoàn thiện bảo đảm quyền an sinh xã hội cho mọi người dân. Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên khẳng định quyền an sinh xã hội cơ bản cho người dân. Bộ luật Lao động (năm 2012) tiếp tục phát triển thị trường lao động, tăng cường điều kiện hoạt động của các đối tác tham gia thị trường lao động. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT (năm 2014) mở rộng sự tham gia của người dân vào BHYT (hoàn thiện chế độ đóng, chế độ hưởng và điều kiện hưởng BHYT tốt hơn, thuận lợi và công khai, minh bạch); mở rộng đối tượng được Nhà nước bảo hộ một phần và toàn phần để tham gia BHYT. Luật BHXH (sửa đổi) năm 2014 mở rộng diện tham gia BHXH bắt buộc cho cả khu vực có quan hệ lao động và không có quan hệ lao động; tăng cường chế tài đối với hành vi trốn đóng BHXH. Về chính sách bảo trợ xã hội được áp dụng và thực hiện theo Nghị định số 13/2013/NĐ-CP quy định về chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng; trợ giúp xã hội đột xuất; hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng và chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội và nhà xã hội. Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

Thứ hai, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề về an sinh xã hội

Nhà nước trong bất kỳ thể chế chính trị nào, hình thái tổ chức nào cũng đều là người tổ chức và chịu trách nhiệm cao nhất về công tác an sinh xã hội và Việt Nam cũng vậy. Tuy nhiên, tùy theo mô hình tổ chức nhà nước, vấn đề trách nhiệm thực hiện được phân công khác nhau. Mô hình nhà nước Việt Nam là đơn nhất nên việc phân công trách nhiệm cũng khác nhau. Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội là tư lệnh ngành nhưng không phải là

người chịu trách nhiệm duy nhất về vấn đề chất lượng, hiệu quả của công tác an sinh xã hội. Do đó, phải thực hiện nguyên tắc "Kết hợp quản lý nhà nước theo ngành với quản lý nhà nước theo lãnh thổ".

Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong việc định hướng cũng như thực thi các chính sách, pháp luật về an sinh xã hội. Để thể hiện vai trò nòng cốt này, Nhà nước đã tập trung ngân sách trong khả năng có thể cho lĩnh vực an sinh xã hội. Nếu như năm 2012 tổng chi cho an sinh xã hội bằng 5,88% GDP thì đến năm 2015 con số này tăng lên khoảng trên 6,6% GDP. Mặc dù trong điều kiện kinh tế khó khăn, nhưng Đảng và Nhà nước không giảm đi bất cứ một chính sách, khoản chi nào dành cho an sinh xã hội mà còn tăng lên; thực hiện hiệu quả các chính sách xã hội từ nhiều nguồn lực trong đó các nguồn lực chính là nguồn lực nhà nước, nguồn lực từ bên ngoài (như nguồn ODA, các chương trình viện trợ không hoàn lại của nước ngoài), nguồn lực xã hội từ các doanh nghiệp, tổ chức và nguồn lực từ trong nhân dân.

Thanh tra thực hiện pháp luật về an sinh xã hội. Thanh tra là chức năng thiết yếu của cơ quan quản lý nhà nước nhằm làm tốt công tác quản lý, giúp cho việc thực thi pháp luật được tiến hành một cách có hiệu quả. Việc thanh tra các hoạt động an sinh xã hội, nếu phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực an sinh xã hội thì phải xử lý nghiêm, kịp thời và công bằng các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, kỷ cương; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, các quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan.

Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về ASXH là một biện pháp quan trọng để bảo đảm việc tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật, khắc phục, phòng ngừa những vi phạm pháp luật. Kiểm tra nhằm mục đích nhắc nhở, giáo dục cho CCVC tôn trọng, chấp hành nghiêm chỉnh theo pháp luật; phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong các VBQPPL để đề nghị bổ sung, sửa đổi, phát hiện những hành vi sai lệch trong việc thực hiện pháp luật; có biện

pháp uốn nắn, khắc phục và phát hiện những việc làm vi phạm pháp luật; có biện pháp xử lý nghiêm minh, kịp thời; đồng thời phát hiện những điển hình thực hiện pháp luật tốt để động viên, khen thưởng.

Xử lý vi phạm xảy ra là bảo vệ các giá trị của pháp luật về an sinh xã hội không bị vi phạm trong thực tiễn cuộc sống, giúp cho công tác QLNN bằng pháp luật trong lĩnh vực an sinh xã hội đạt hiệu quả cao hơn.

Xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức là một trong những công cụ, biện pháp quản lý của Nhà nước trong quá trình xây dựng, phát triển và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức. Việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức phải bảo đảm theo đúng các hình thức kỷ luật, bảo đảm khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng thời hiệu và theo đúng các trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

1.4. Các yếu tố tác động đến việc quản lý nhà nước về an sinh xã hội

Thứ nhất, quan điểm của nhà nước về an sinh xã hội

Quản lý nhà nước về ASXH đối với người dân phụ thuộc vào kiểu tổ chức ASXH, mà đến lượt nó, kiểu tổ chức ASXH lại phụ thuộc vào quan điểm, ý chí của Nhà nước. Hiện nay, trên thế giới có nhiều mô hình ASXH khác nhau. Tuy nhiên, về nguyên tắc tổ chức thì có hai mô hình cơ bản là ASXH nhà nước và ASXH theo định hướng thị trường. Mô hình đại diện cho ASXH nhà nước là mô hình ASXH ở Hoa Kỳ, mô hình ASXH định hướng thị trường điển hình là của Cộng hòa Liên bang Đức. Bên cạnh đó, một số nước phát triển và đang phát triển như Anh, Braxin đang trong quá trình chuyển từ ASXH nhà nước sang ASXH định hướng thị trường. Trong các mô hình này vai trò của Nhà nước về ASXH là có sự khác nhau.

Theo mô hình của Hoa Kỳ, những chương trình ASXH dài hạn gồm bảo hiểm tuổi già, bảo hiểm người còn sống, bảo hiểm tàn tật và BHYT (được gọi là ASXH hoặc OASDI) và trợ cấp y tế cho người già (chăm sóc y tế) được đảm bảo từ sự đóng góp của người lao động đang làm việc và sự

tài trợ từ NSNN (Max J. Skidmore, 2001) [34].

Về bản chất, ASXH Hoa Kỳ thuộc loại ASXH nhà nước. Chương trình ASXH là bắt buộc đối với tất cả công nhân phải có bảo hiểm và được tài trợ bởi một khoản thuế thu nhập với phần đóng góp của chủ lao động. Công nhân và chủ sử dụng phải đóng thuế tiền lương cho Nhà nước, người tự làm phải đóng thuế tương đương với tổng số thuế mà công nhân và chủ sử dụng lao động đóng góp. Nhà nước sử dụng thuế đó để chi trả ASXH cho người lao động theo chương trình.

Bên cạnh các loại bảo hiểm như bảo hiểm tuổi già, bảo hiểm người còn sống, bảo hiểm tàn tật, BHYT, hệ thống ASXH còn bao gồm các khoản trợ cấp như trợ cấp cho vợ/chồng của người về hưu, trợ cấp cho con người về hưu cho đến năm chúng 18 tuổi; trợ cấp thân nhân, trợ cấp NTT... Tất cả tiền chi cho ASXH, kể cả các hình thức bảo hiểm và trợ cấp đều từ NSNN. Như vậy, vai trò của Nhà nước trong kiểu ASXH này là rất rộng lớn. Nhà nước không chỉ xây dựng luật pháp, cơ chế, chính sách, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực thi các chính sách ASXH, mà còn trực tiếp tổ chức thực hiện thu chi để đảm bảo an sinh cho người lao động.

Rõ ràng việc lựa chọn mô hình ASXH nào là tùy thuộc vào quan điểm và điều kiện cụ thể của mỗi nước; từ đó, phạm vi vai trò của Nhà nước theo các mô hình ASXH cũng có sự khác nhau. Điều này cũng đúng đối với vai trò của Nhà nước về ASXH.

Thứ hai, khả năng tài chính của nhà nước và thu nhập của người dân

Vấn đề tài chính là vấn đề then chốt mang ý nghĩa quyết định đối với việc thực thi chương trình ASXH đối với người dân. Để thực hiện trợ giúp, Nhà nước cũng phải có nguồn tài chính. Để có thể tham gia vào ASXH theo nguyên tắc đóng - hưởng, người lao động phải có thu nhập. Chính vì thế, nhân tố kinh tế ảnh hưởng đến việc xây dựng hệ thống ASXH trước hết là khả năng NSNN và khả năng thu nhập của người dân. Khả năng thu nhập

của người dân càng cao thì việc người dân chủ động tham gia vào hệ thống ASXH càng lớn, nhu cầu trợ giúp từ Nhà nước sẽ giảm bớt và ngược lại. Đồng thời, khả năng tài chính từ NSNN càng dồi dào thì phạm vi và quy mô trợ giúp cho người dân sẽ càng tăng và ngược lại.

Giải quyết tình trạng ASXH đối với người dân mặc dù vẫn trên tinh thần xã hội hóa, song do đa số người dân có mức thu nhập thấp nên điều kiện tiên quyết thực hiện thành công chương trình này là đồng thời với quá trình xã hội hóa chương trình ASXH đối với người dân, phải tăng chi NSNN để thực hiện trợ giúp và hỗ trợ người dân được tham gia vào hệ thống ASXH. Trong đó, chi NSNN đóng vai trò thiết yếu. Ở đây, Chính phủ cần phải khuyến khích hỗ trợ người dân tích cực tham gia vào hệ thống an sinh, như thông qua việc trợ giúp tối thiểu kinh phí mua thẻ BHYTTN, điều này tạo cơ hội cho người dân nhận thức được lợi ích từ việc sử dụng thẻ BHYTTN, tạo tiền đề tích cực cho việc thực hiện BHYT toàn dân. Nhà nước nên có các chính sách nhằm tăng mức tiền trợ giúp hàng tháng đối với các đối tượng yếu thế để ít nhất phải đảm bảo cho người dân sống trên mức sống tối thiểu. Ngoài việc chi trợ giúp cho các đối tượng yếu thế sống trên mức tối thiểu, Nhà nước nên cân nhắc một khoản tiền để hỗ trợ đào tạo và tìm việc làm cho người dân, từ đó giúp người dân thoát nghèo.

Một khoản tiền nữa mà NSNN phải chi hàng năm đó là số tiền thực hiện trợ giúp đột xuất cho các đối tượng không may gặp rủi ro về kinh tế bởi thiên tai, dịch họa... Đây là trường hợp thực hiện an sinh không đóng góp.

Thứ ba, năng lực của hệ thống quản lý an sinh xã hội

Năng lực của hệ thống quản lý ASXH thể hiện ở tính phù hợp của hệ thống tổ chức và số lượng, chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác ASXH. Việc thiết lập hệ thống tổ chức quản lý và đảm bảo đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp để thực hiện các chính sách của hệ thống ASXH, đáp ứng được nhu cầu phát triển có tác động mạnh đến việc thực hiện vai trò của

Nhà nước về ASXH. Bởi lẽ, các chủ trương, chính sách về ASXH đưa ra chỉ là về mặt lý thuyết, còn có thực hiện được hay không thì nó phải được đi vào từng thôn bản, từng hộ gia đình nông dân. Năng lực của hệ thống quản lý không chỉ ảnh hưởng đến thực thi các chương trình an sinh thụ động mà còn ảnh hưởng đến sự tham gia của các đối tượng tự nguyện vào hình thức an sinh xã hội chủ động (Đóng - hưởng).

Về nguyên tắc có thể thiết lập hệ thống tổ chức độc lập cho từng hợp phần nhưng cũng có thể sử dụng bộ máy chính quyền hiện có để thực hiện, tùy điều kiện cụ thể của các quốc gia. Thể chế chính sách mang tính phổ cập thì chi phí quản lý ít và bộ máy tổ chức quản lý gọn nhẹ và ngược lại thể chế phức tạp thì chi phí quản lý tốn kém hơn.

Hệ thống tổ chức, bộ máy thường được thiết kế để quản lý hoạt động của từng hợp phần và được chia theo bốn cấp từ trung ương đến tỉnh, huyện, xã. Hệ thống tổ chức này chịu sự chi phối theo ngành dọc và cả sự chi phối theo vùng lãnh thổ. Tùy theo cơ chế hình thành nguồn của từng hợp phần và cơ chế quản lý mà vai trò chi phối theo ngành dọc hoặc theo vùng lãnh thổ chiếm vị trí chủ đạo.

Có bộ máy hợp lý, nhưng còn cần phải có đội ngũ cán bộ đủ năng lực thực thi mới đem lại các hiệu quả tích cực việc thực hiện các chương trình ASXH đối với đối tượng thụ hưởng. Điều này thể hiện ở chỗ phải có đủ số lượng cán bộ và có đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu hoạt động. Muốn vậy, cần chú trọng đào tạo đội ngũ các bộ có trình độ và trách nhiệm sẽ truyền đạt được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước tới đời sống người dân, truyền đạt được ích lợi của việc tham gia vào hệ thống ASXH đối với người nông dân. Có như thế người dân mới tin tưởng và đồng tình vào các chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thứ tư, nhận thức xã hội về an sinh xã hội

Việc tham gia vào hệ thống ASXH không chỉ phụ thuộc vào yếu tố

kinh tế mà còn chịu sự tác động của yếu tố xã hội, trong đó tập quán, thói quen và nhận thức xã hội đóng vai trò quan trọng.

Thông thường ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, mọi người dân đã quen với việc tham gia vào hệ thống ASXH, nên việc thực hiện ASXH theo nguyên tắc đóng - hưởng trở thành việc đương nhiên, mọi người dân đều có ý thức sẵn sàng tham gia. Song đối với các nước từ một nền nông nghiệp, sản xuất phân tán chuyển sang phát triển theo nền kinh tế thị trường như Việt Nam, thuật ngữ ASXH hầu như còn rất mới. Việc thực hiện đóng - hưởng theo nguyên tắc của hệ thống ASXH hầu như còn xa lạ với họ. Hơn nữa, những nước có nền kinh tế vận hành theo cơ chế bao cấp, xin - cho, việc đóng - hưởng cũng rất khó được sự chấp nhận của người dân. Vì thế, vấn đề tham gia vào hệ thống ASXH của người dân khu vực nông nghiệp cá thể, khu vực phi kết cấu như ở Việt Nam là rất khó khăn. Ở đây, công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục hướng dẫn người dân tham gia có ý nghĩa quan trọng. Muốn vậy, cần thiết phải chú ý đến một số vấn đề như phổ biến tuyên truyền pháp luật và chính sách của Nhà nước về phát triển hệ thống ASXH tới người dân; huy động các lực lượng xã hội khác như hiệp hội, đoàn thể tham gia vào tuyên truyền vận động người dân tham gia hệ thống ASXH; hướng dẫn cho người dân tham gia vào hệ thống và cùng giám sát việc thực hiện hệ thống chính sách ASXH.

Kết luận Chương 1

Đảm bảo ASXH là nhu cầu tất yếu của con người, là vấn đề quan trọng đối với sự phát triển KT - XH của mỗi quốc gia, với sự tồn vong của nhà nước, chế độ xã hội. Chính vì tính chất quan trọng của nó mà có nhiều quan niệm khác nhau về ASXH. Trên cơ sở phân tích đặc trưng và sự cần thiết của ASXH, luận văn khẳng định quản lý nhà nước về ASXH là *“những can thiệp của Nhà nước và xã hội bằng các biện pháp kinh tế để hạn chế, phòng ngừa*

và khắc phục rủi ro cho các thành viên trong cộng đồng do bị mất hoặc giảm thu nhập bởi các nguyên nhân ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già và chết; đồng thời, bảo đảm chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình đông con”.

Từ đó, luận văn nghiên cứu vai trò của QLNN về ASXH như sau: 1) Ổn định chính trị, ổn định cuộc sống, phòng ngừa rủi ro cho người dân; 2) Đảm bảo phát triển kinh tế bền vững; 3) Hoàn thiện công cụ quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Nội dung quản lý Nhà nước về ASXH gồm: 1) Thiết lập môi trường luật pháp và thể chế chính sách về ASXH; 2) Đảm bảo tài chính và hỗ trợ tài chính cho người dân tham gia các chương trình an sinh; 3) Nhà nước tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện ASXH.

Nhà nước quản lý công tác ASXH theo phương thức: 1) Xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật quy định về an sinh xã hội; 2) Nhà nước là người tổ chức và chịu trách nhiệm cao nhất để giải quyết các vấn đề về an sinh xã hội; 3) Nhà nước là nòng cốt, kết hợp xã hội hóa để duy trì về an sinh xã hội; 4) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm

Việc thực hiện các nội dung QLNN về ASXH ảnh hưởng bởi bốn yếu tố: 1) Quan điểm của Nhà nước về ASXH; 2) Khả năng tài chính của Nhà nước và người dân; 3) Nhà nước phối hợp chính sách ASXH với các chính sách kinh tế - xã hội khác nhằm hỗ trợ người dân tăng thu nhập để chủ động tham gia vào hệ thống ASXH; 4) Năng lực của hệ thống quản lý về ASXH; 5) Nhận thức của xã hội về ASXH.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN SINH XÃ HỘI TẠI QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội của quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Đặc điểm điều kiện tự nhiên

Quận Ngũ Hành Sơn được thành lập khi thành phố Đà Nẵng tách ra từ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương (tháng 01/1997) trên cơ sở 01 phường của thành phố Đà Nẵng (cũ) và 2 xã của huyện Hòa Vang.

Quận Ngũ Hành Sơn nằm về phía Đông Nam của thành phố Đà Nẵng, phía đông giáp với biển Đông có dải cát dài 12 km, rộng 1 km dọc bờ biển; phía Tây giáp với huyện Hòa Vang là đồng ruộng xen kẽ với bãi bồi, có sông Cẩm Lệ bao quanh nối với sông Hàn đổ ra biển với chiều dài khoảng 15 km, phía Bắc giáp với quận Hải Châu và Sơn Trà, phía Nam giáp tỉnh Quảng Nam.

Quận Ngũ Hành Sơn có bờ biển dài, sạch, đẹp, hầu như còn hoang sơ và chưa bị ô nhiễm; có quần thể Ngũ Hành Sơn là danh thắng nổi tiếng đã được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử quốc gia. Nằm trên tuyến đường giao thông chính giữa thành phố Đà Nẵng với phố cổ Hội An của tỉnh Quảng Nam, quận Ngũ Hành Sơn có vị trí và điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các loại hình du lịch, nghỉ dưỡng.

Đây còn là địa bàn thuận lợi cho việc phát triển, mở rộng không gian đô thị của thành phố về phía Đông Nam.

Về diện tích tự nhiên có 3.911.78 ha, trong đó đất nông nghiệp 770.54 ha, đất phi nông nghiệp 2589.40 ha, đất chưa sử dụng 551.84 ha.

Về dân số có 61.441 người với 16.470 hộ, mật độ dân số: 1.171

người/km². Trong đó số lượng người trong độ tuổi lao động là 40.765 người, chiếm 66,35% so với tổng dân số của quận. Tốc độ tăng dân số bình quân hằng năm là 1,20% (theo số liệu thống kê ngày 01 tháng 4 năm 2014). Quận Ngũ Hành Sơn gồm 04 phường: Mỹ An, Khuê Mỹ, Hòa Hải, Hòa Quý.

Đặc điểm kinh tế xã hội

Quận Ngũ Hành Sơn có vị trí quan trọng chiến lược phát triển về kinh tế - quốc phòng, nằm gần cảng Tiên Sa, sân bay quốc tế Đà Nẵng - cửa khẩu quan hệ quốc tế không chỉ của thành phố Đà Nẵng mà của cả khu vực, có bờ biển đẹp... Các yếu tố này tạo điều kiện thuận lợi cho quận Ngũ Hành Sơn trong việc giao lưu kinh tế và phát triển văn hóa theo hướng mở.

Năm 2015, tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế trên địa bàn quận là 1.408,14 tỷ đồng đạt 105,72% kế hoạch thành phố, kế hoạch quận, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước.

Ngành du lịch - dịch vụ - thương mại: Ước tính năm 2015 tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tiêu dùng xã hội là đạt 2280 tỷ, tương ứng giá trị sản xuất ngành Thương mại dịch vụ du lịch theo giá 2010 là 844,36 tỷ đồng tăng hơn so với cùng kỳ 24,44%. Lượng du khách đến tham quan khu du lịch thắng cảnh Ngũ Hành Sơn tăng cao so với cùng kỳ, nhất là trong những ngày lễ, tết. Tổng doanh thu danh thắng Ngũ Hành Sơn đạt 7 tỷ đồng, đạt 117% kế hoạch, tăng 17% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu từ thang máy đạt 1,3 tỷ đồng. Số cơ sở kinh doanh thương mại dịch vụ phát triển khá đa dạng trong những năm gần đây song phần lớn các cơ sở kinh doanh còn nhỏ bé, chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa và các hộ kinh doanh nhỏ lẻ, sức cạnh tranh thị trường yếu. Năng lực quản lý kinh doanh, mở rộng thị trường, vốn, chất lượng phục vụ của người lao động còn thấp. Hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch: Cơ sở lưu trú đã tăng lên nhanh chóng, đặc biệt là số khách sạn tiêu chuẩn cao và số phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế. Nhiều đơn vị kinh doanh khách sạn trong những năm qua đã đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật,

trang thiết bị khách sạn, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ.

Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Ước tính giá trị sản xuất ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp theo giá 2010 năm 2015 là 325,13 tỷ đồng đạt 108 % kế hoạch thành phố và kế hoạch quận, tăng so với cùng kỳ năm trước 3,83%. Công nghiệp - xây dựng đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của quận Ngũ Hành Sơn trong nhiều năm trước đây, ngành công nghiệp có thế mạnh của quận là công nghiệp chế biến với các ngành hàng chủ yếu như sản xuất chế biến hải sản, cao su, thủ công mỹ nghệ,... Đặc biệt, làng đá mỹ nghệ Non nước với các mặt hàng đá truyền thống đã tạo ra sản phẩm đặc thù cho địa phương, đóng góp quan trọng vào tăng giá trị sản xuất và tạo công ăn việc làm cho người dân.

Ngành nông nghiệp - thủy sản: Ước tính giá trị sản xuất Nông lâm thủy sản năm 2015 đạt 63,4 tỷ đồng theo giá 2010 tăng so với cùng kỳ 9,45%. Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa toàn thành phố nói chung và tại quận Ngũ Hành Sơn nói riêng. Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu từ cây lương thực và thực phẩm.

2.2. Tình hình an sinh xã hội tại quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

2.2.1. Về chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp

Báo cáo của bảo hiểm xã hội quận Ngũ Hành Sơn cho thấy, bảo hiểm xã hội quận liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ góp phần quan trọng trong việc thực hiện chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước. Trong công tác chi trả ngành đã thực hiện đúng, kịp thời các chính sách với quy trình được cải tiến và rút ngắn. Ngành bảo hiểm đã thu hút được ngày càng nhiều đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN bắt buộc, cụ thể trong năm 2015 đã phát triển thêm 76 đơn vị, với 883 lao động; so với năm 2014 tăng 18 đơn vị (31,03%), 676 lao động (326,57%); tham gia BHXH tự nguyện: 54 người, so

với năm 2014 tăng 84,38%.

Bảo hiểm xã hội quận quản lý 393 đơn vị tham gia BHXH, BHYT, BHTN gồm 48.410 người, trong đó có 47 đơn vị chỉ tham gia BHYT với 38.548 người. Cụ thể: Tham gia BHXH bắt buộc: 9.862, so với năm 2014 tăng 1.041 người (11,80%), so với kế hoạch giao tăng 253 người (2,63%); Tham gia BHXH tự nguyện: 118 người, so với năm 2014 tăng 54 người (84,38%), so với kế hoạch giao tăng 6 người (5,36%); Tham gia BHYT hộ gia đình: 10.292 người tham gia, so với năm 2014 tăng 1.402 người; Tham gia BHTN: 9.501 người, so với năm 2014 tăng 1.593 người (20,14%); so với kế hoạch giao tăng 269 người (2,91%). Tổng số học sinh tham gia BHYT đến 31/12/2015 là 13.813 học sinh tham gia, đạt tỷ lệ 95.3%. Trong đó: Bậc tiểu học đạt 97.43%; Bậc THCS đạt 99.79%; Bậc Đại học, cao đẳng đạt 88.69%. Chỉ tham gia BHYT: 38.548 người, so với năm 2014 tăng 1.557 người (4,21%).

Bảng 2.1. Tình hình tham gia BHXH từ năm 2012 đến năm 2015 trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Đơn vị: người

TT	NỘI DUNG	NĂM 2012	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015
1	Số người tham gia BHXH bắt buộc	6.985	7.506	8.821	9.862
2	Số người tham gia BHXH tự nguyện	45	58	64	118
3	Số người tham gia BHYT hộ gia đình	7.023	8.105	8892	10.292
4	Số người tham gia BHTN	6524	7189	7908	9.501
5	Số người tham gia BHYT	14.221	15.930	16.755	18.637
6	Tổng	34.798	38.788	42.440	48.410

(Nguồn: BHXH quận NHS)

2.2.2. Về bảo trợ xã hội

Hoạt động bảo trợ xã hội bao gồm Trợ giúp thường xuyên và Trợ giúp đột xuất cả hai hình thức trợ giúp này đều được thực hiện từ ngân sách nhà nước, quản lý và chi trả thông qua Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội, ngoài ra trợ giúp đột xuất khi xảy ra còn được các tổ chức đoàn thể như Mặt trận tổ quốc, Hội chữ thập đỏ; doanh nghiệp, tập thể đơn vị, cá nhân...vv tham gia trên tinh thần lá lành đùm lá rách của truyền thống dân tộc Việt Nam khi gặp rủi ro, thiên tai...

Đối với hoạt động trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội hiện nay được áp dụng và thực hiện theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, ngày 21 tháng 10 năm 2013 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội:

- Đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện trợ cấp hàng tháng do quận quản lý gồm:

+ Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:

Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;

Mồ côi cả cha và mẹ;

Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;

Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;

Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

+ Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này mà đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất.

+ Trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo; người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác.

+ Người thuộc hộ nghèo không có chồng hoặc không có vợ; có chồng hoặc vợ đã chết; có chồng hoặc vợ mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 tuổi đến 22 tuổi nhưng người con đó đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất (sau đây gọi chung là người đơn thân nghèo đang nuôi con).

+ Người cao tuổi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền

phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng;

Người từ đủ 80 tuổi trở lên không thuộc diện quy định tại Điểm a Khoản này mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng;

Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng.

+ Trẻ em khuyết tật, người khuyết tật thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

- Đối tượng được trợ giúp đột xuất (một lần) là những người, hộ gia đình gặp khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc những lý do bất khả kháng khác gây ra, bao gồm:

+ Hộ gia đình có người chết, mất tích;

+ Hộ gia đình có người bị thương nặng;

+ Hộ gia đình có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng;

+ Hộ gia đình bị mất phương tiện sản xuất, lâm vào cảnh thiếu đói;

+ Hộ gia đình phải di dời khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét;

+ Người bị đói do thiếu lương thực;

+ Người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú dẫn đến bị thương nặng, gia đình không biết để chăm sóc;

+ Người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú.

- Ủy ban nhân dân cấp phường, bệnh viện, cơ quan, đơn vị đứng ra tổ chức mai táng cho người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị chết, gia đình không biết để mai táng.

Trong năm 2015 quận Ngũ Hành Sơn đã thực hiện trợ cấp thường xuyên

cho 2875 đối tượng với tổng kinh phí là 11.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, UBND quận Ngũ Hành Sơn đã tổ chức Chương trình “Tết yêu thương”, UBND quận đã kêu gọi và hỗ trợ 154.410 kg gạo cho 5307 hộ với 10.294 khẩu. (Hòa Quý: 67.875 kg; Hòa Hải: 37.125 kg; Mỹ An: 30.330 kg; Khuê Mỹ 19.080 kg).

Trong đó: Hộ chính sách: 1.074 hộ với 2046 khẩu; Hộ đặc biệt nghèo: 169 hộ với 495 khẩu; Hộ nghèo: 1.123 hộ với 2.900 khẩu; Hộ BTXH: 2960 hộ với 4.847 khẩu; Hộ dân tộc: 02 hộ với 07 khẩu.

Bảng 2.2. Tình hình thực hiện bảo trợ xã hội trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến 2015

TT	NỘI DUNG	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015
1	Kinh phí thực hiện trợ cấp thường xuyên	8,56 tỷ	9,7 tỷ	11 tỷ
2	Tổng số gạo Chương trình “Tết yêu thương”	125.545 kg	137.970 kg	154.410 kg

(Nguồn: Phòng LD-TB&XH quận)

2.2.3. Chính sách ưu đãi người có công

Đối với quận Ngũ Hành Sơn các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi người có công gồm:

- Cán bộ tiền khởi nghĩa
- Bà mẹ Việt Nam anh hùng
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh: Suy giảm khả năng lao động từ 21-80%; Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Suy giảm khả năng lao động từ 81% có vết thương đặc biệt nặng.
- Người phục vụ thương binh, thương binh loại B, bệnh binh: Người phục vụ thương binh, thương binh loại B, bệnh binh từ 81% trở lên; Người phục vụ thương binh, thương binh loại B, bệnh binh loại đặc biệt.
- Trợ cấp tuất đối với thân nhân người có công với cách mạng

- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

Nguồn kinh phí chi trả các đối tượng trên được thực hiện từ ngân sách nhà nước thông qua Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội quận Ngũ Hành Sơn để chi trả trợ cấp hàng tháng cho trên 3.247 đối tượng với số kinh phí gần 56 tỷ đồng bảo đảm đúng tiêu chuẩn đối tượng theo qui định của nhà nước.

UBND quận Ngũ Hành Sơn đã kịp thời trợ cấp 1 lần cho 3463 đối tượng với tổng số tiền 5 tỷ đồng; tổ chức cấp phát tiền thờ cúng Liệt sĩ cho 1290 hộ gia đình chính sách (500.000 đồng/người), với tổng tiền 645.000.000 đồng.

Thực hiện Công văn số 285/SLĐTBXH-NCC ngày 25/02/2014 của Sở LĐ-TB&XH thành phố Đà Nẵng về việc tổ chức điều dưỡng kết hợp tham quan cho các đối tượng chính sách năm 2014, phòng LĐ-TB&XH đã tiến hành tham mưu UBND quận Ngũ Hành Sơn tổ chức đi tham quan kết hợp điều dưỡng cho 35 đối tượng chính sách năm 2015, đồng thời tổ chức chi trả tiền điều dưỡng tại nhà cho 837 đối tượng chính sách với tổng kinh phí gần 1.006.770.000 đồng.

Hướng dẫn các phường trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn tổ chức tốt việc cấp quà của Chủ tịch nước, UBND thành phố Đà Nẵng theo công văn số 01/HD-SLĐTBXH ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Sở LĐ-TB&XH thành phố Đà Nẵng, không để xảy ra sai sót. Công tác tiếp nhận và trao tặng quà Tết từ các tổ chức doanh nghiệp đến hộ nghèo hộ chính sách khó khăn cũng được phòng thực hiện chu đáo. Tổng số quà và tiền đã cấp 15.968 suất với tổng trị giá quà Tết: 4.439.200.000 đồng.

Trong đó: Quà của Chủ tịch nước: 2844 suất với tổng số tiền 654.000.000 đồng; Quà của UBND thành phố Đà Nẵng: 6585 suất với tổng số tiền 1.813.400.000 đồng; Quà của UBND quận Ngũ Hành Sơn: 3308 suất với tổng số tiền 426.500.000 đồng; Quà vận động: 3231 suất với tổng số tiền 1.545.300.000 đồng.

Ngoài ra UBND quận Ngũ Hành Sơn tổ chức buổi trao vật dụng thiết

yếu cho các hộ gia đình chính sách thuộc Đề án sửa chữa và xây mới nhà 2015 với tổng trị giá quà tặng gần 50 triệu đồng vào ngày 25 tháng 7.

UBND quận Ngũ Hành Sơn đã tổ chức khảo sát và lập danh sách 135 hộ gia đình chính sách có nhà ở xuống cấp cần xây mới và sửa chữa năm 2016 (35 nhà xây mới, 100 nhà sửa chữa). Cụ thể như sau: Phường Mỹ An: 14 nhà (xây: 03; sửa: 11); Phường Khuê Mỹ: 17 nhà (xây: 08; sửa: 09); Phường Hòa Hải: 35 nhà (xây 13; sửa: 22); Phường Hòa Quý: 69 nhà (xây: 11, sửa: 58).

Phòng LĐ-TB&XH cũng đã phối hợp cùng UBND các phường và các đơn vị liên quan tiến hành vẽ thiết kế và dự toán kinh phí cho từng hạng mục công trình. Tham mưu UBND quận tờ trình tạm ứng kinh phí chuyển các hộ có nhu cầu xây dựng và sửa chữa trước Tết nguyên đán năm Bính Thân.

Thu quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” năm 2015 đối với khối các cơ quan đơn vị và UBND các phường, trong đó:

+ Khối các cơ quan đơn vị: Tiến hành vận động tại 52/55 đơn vị với tổng số tiền thu được là 333.806.892 đồng (đạt 102,6 % so với năm 2014).

+ Tiến độ thu Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” tại các phường, trong đó: Hoà Hải: 222.620.000 đồng; Mỹ An: 63.000.000 đồng; Hoà Quý: 54.590.000 đồng; Khuê Mỹ: 42.500.000 đồng.

Bảng 2.3. Tình hình chính sách ưu đãi người có công trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng năm 2015

TT	NỘI DUNG	SỐ ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN
1	Chi trả trợ cấp hàng tháng	3.247	56 tỷ
2	Chi trả trợ cấp 1 lần	3.463	5 tỷ
3	Cấp phát tiền thờ cúng liệt sĩ	1.290	645 triệu
4	Chi trả điều dưỡng kết hợp tham quan, điều dưỡng tại nhà	872	1,006 tỷ

(Nguồn: Phòng LĐ-TB&XH quận NHS)

2.2.4. Thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo

Đầu năm 2015, toàn quận có 595 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 3,14% so với tổng số hộ dân; Kế hoạch giảm nghèo của quận giao 595 hộ nghèo. Trong năm 2015 thực hiện giảm nghèo là 595 hộ với 2.095 khẩu đạt 100% kế hoạch quận giao.

Nguồn kinh phí hỗ trợ trong năm 2015 toàn quận đã tập trung huy động, tranh thủ sự hỗ trợ của thành phố và các tổ chức, cá nhân để giúp đỡ cho hộ nghèo, hộ đặc biệt nghèo, với tổng số tiền 11.271.820.000 đồng, trong đó nguồn từ ngân sách 6.718.970.000 đồng, nguồn huy động 4.306.850.000 đồng, vốn vay ngân hàng chính sách 246.000.000 đồng. Tập trung đầu tư vào các giải pháp chủ yếu như làm nhà Tình thương, nhà Đại đoàn kết, nhà Tình nghĩa, sửa chữa nhà, xây dựng công trình phụ, trao vốn sinh kế, hỗ trợ học bổng, vay vốn, tư vấn đào tạo, chuyển đổi ngành nghề...

Để Chương trình mục tiêu giảm nghèo đạt hiệu quả cao, quận Ngũ Hành Sơn đã đề ra các chính sách hỗ trợ thiết thực như:

Chính sách tín dụng, hỗ trợ sinh kế: Tính đến ngày 31/11/2015 tổng dư nợ cho vay ưu đãi hộ nghèo qua kênh các hội đoàn thể tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách - Xã hội Ngũ Hành Sơn là 32,420 tỷ đồng, trong đó cho vay trong năm 246 triệu đồng với 13 hộ được vay. Ngoài ra UBND quận, Hội phụ nữ quận hỗ trợ sinh kế từ nguồn vốn tiếp sức phụ nữ nghèo để hỗ trợ sinh kế cho 28 hộ với tổng số tiền 116.000.000 đồng, phát triển sản xuất kinh doanh từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống.

Giải quyết việc làm: Trong năm 2015 đã giải quyết việc làm cho 2.889 người có việc làm đạt 100,3% kế hoạch thành phố giao. Trong đó: Vốn vay giải quyết việc làm 418 lao động; Lao động tìm việc tại các doanh nghiệp là 548 lao động; Lao động tự tìm việc làm, lao động tự do 582 lao động.

Chính sách hỗ trợ về giáo dục: Đến nay trên địa bàn quận có 256 em học sinh thuộc các bậc tiểu học đến trung học phổ thông là con hộ nghèo, trẻ em

mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được nhận học bổng thường xuyên, học bổng dài hạn từ các tổ chức phi chính phủ (LOVE, SOS, COV) với tổng số tiền 652.780.000 đồng. Ngoài ra 33 em là sinh viên các trường Đại học thuộc diện hộ nghèo được Tổ chức COV với tổng số tiền 378.820.000 đồng. Bên cạnh đó Hội phụ nữ quận vận động các tổ chức cá nhân hỗ trợ học bổng cho 63 em con hộ nghèo với số tiền 113.800.000 đồng. Ngoài ra tổ chức Liên hiệp các tổ chức hữu nghị và Hội SEAR hỗ trợ 70 chiếc xe đạp với số tiền 140.000.000 đồng cho các em con hộ nghèo; UBMTTQVN quận và Nam Hải hỗ trợ học bổng cho 218 em con hộ nghèo với số tiền 125.000.000 đồng. Thực hiện Nghị định 49/2010/NĐ-CP và Nghị định 74/2013/NĐ-CP quy định miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho con hộ nghèo. Đến nay chi hỗ trợ miễn giảm học phí, dụng cụ học tập cho 1.278 em với tổng số tiền 251.880.000 đồng.

Chính sách hỗ trợ về y tế: Phối hợp với UBND các phường triển khai rà soát, lập danh sách và chống trùng, đồng thời tham mưu cho UBND quận ban hành Quyết định cấp thẻ BHYT năm 2015 cho 7.240 thẻ với tổng số tiền 4.481.000.000 đồng, trong đó cấp 114 thẻ BHYT cho đối tượng mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Chính sách hỗ trợ nhà ở, điện, nước sinh hoạt và cải thiện điều kiện vệ sinh: Hỗ trợ xây 13 nhà đại đoàn kết, tình thương với tổng kinh phí 655.000.000 đồng; sửa chữa nhà cho 45 hộ với tổng số tiền 591.450.000 đồng; xây công trình vệ sinh cho 02 hộ với tổng số tiền 9.000.000 đồng.

Bảng 2.4. Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn từ năm 2013 đến năm 2015

Đơn vị: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015
1	Chính sách tín dụng	139	198	246
2	Chính sách sinh kế	78	92	116
3	Chính sách hỗ trợ giáo dục	9870	1.274	1.662,28
4	Chính sách hỗ trợ về y tế	3526	3.985	4.481
5	Chính sách hỗ trợ sửa nhà, tiền điện, nước sinh hoạt	927	1035	1.246,45

(Nguồn: PLĐ-TB&XH quận NHS)

2.3. Tình hình quản lý nhà nước về an sinh xã hội tại quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Thứ nhất, tình hình quản lý Nhà nước về BHXH, BHYT, BHTN

Ngày 20/11/2014, Quốc hội ban hành Luật số 58/2014/QH13 về Luật Bảo hiểm xã hội, trong Luật này có một số quy định mới về việc trợ cấp tử tuất đối với người lao động. Ngày 11/11/2015 Chính phủ đã ban hành Nghị định 115/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều liên quan đến Luật Bảo hiểm xã hội bắt buộc. Nghị định này hướng dẫn chế độ tử tuất đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp...

Thực hiện Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm về bảo hiểm xã hội bắt buộc, hằng năm BHXH quận Ngũ Hành Sơn tổ chức tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT theo tinh thần Nghị quyết 21-NQ/TW của Bộ Chính trị đến toàn bộ các đơn vị sử dụng lao động, cán bộ đảng viên và người lao động trên địa bàn quận. Phối hợp với Ban Tuyên giáo Quận ủy Ngũ Hành Sơn tổ chức hội nghị tuyên

truyền chính sách BHXH, BHYT, Luật BHYT bổ sung sửa đổi một số điều, Luật BHXH bổ sung đến các cấp ủy đảng, Bí thư chi bộ, tổ trưởng các dân phố trên địa bàn quận.

Chất lượng phục vụ các dịch vụ bảo hiểm ngày càng tăng cao nên thu hút được nhiều đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Theo báo cáo của BHXH quận, các đối tượng thực tế tham gia đóng BHXH tăng dần qua các năm dẫn đến nguồn thu quỹ BHXH cũng tăng dần. Trong năm 2013 tổng thu trong năm là 140.760 triệu đồng, so với năm 2012 tăng 9.524 triệu đồng (7,4%). Trong năm 2014 tổng thu trong năm là 151.819 triệu đồng, so với năm 2013 tăng 11.059 triệu đồng (7,99%). Đến năm 2015 tổng thu bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cơ bản đạt yêu cầu. Tổng thu trong năm là 164.161 triệu đồng, so với năm 2014 tăng 12.342 triệu đồng (8,13%); so với kế hoạch giao tăng 4.067 triệu đồng (2,54%). Cụ thể:

+ Thu BHXH bắt buộc: 112.621 triệu đồng, so với năm 2014 tăng 14.277 triệu đồng (14,52%); so với kế hoạch giao tăng 3.702 triệu đồng (3,4%);

+ Thu BHXH tự nguyện: 539 triệu đồng, so với năm 2014 tăng 162 triệu đồng (42,97%); so với kế hoạch giao tăng 50 triệu đồng (10,22%);

+ Thu BHTN: 8.389 triệu đồng, so với năm 2014 giảm 2.421 triệu đồng (28,86%); so với kế hoạch giao tăng 990 triệu đồng (13,38%). Số thu BHTN năm 2014 được ghi thu 1% kinh phí Trung ương hỗ trợ, năm 2015 kế hoạch giao không thực hiện ghi thu;

+ Thu BHYT 42.612 triệu đồng, so với năm 2014 tăng 324 triệu đồng (7,68%); so với kế hoạch giao giảm 912 triệu đồng (2,10%).

Thứ hai, tình hình quản lý Nhà nước về bảo trợ xã hội

Đối với hoạt động trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội hiện nay được áp dụng và thực hiện theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, ngày 21 tháng 10 năm 2013 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

UBND quận thực hiện đúng theo Nghị định Chính phủ và thực hiện

chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Quyết định 25/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng đã trợ cấp thường xuyên với mức hưởng trợ cấp từ 270.000 – 810.000 đồng/đối tượng/tháng tùy theo loại đối tượng.

Ngoài ra, UBND quận đã tổ chức thực hiện trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng như: Trợ cấp thường xuyên cho 18 đối tượng mắc bệnh hiểm nghèo với tổng số tiền 86.400.000 đồng theo Quyết định số 874/QĐ-UBND của UBND thành phố; Trợ cấp thường xuyên cho 149 đối tượng hộ đặc biệt nghèo với tổng số tiền 492.000.000 đồng theo Quyết định số 875/QĐ-UBND thành phố; Trợ cấp thường xuyên cho 332 đối tượng phụ nữ đơn thân nuôi con thuộc diện hộ nghèo, đối tượng hộ đặc biệt nghèo với số tiền 824.040.000 đồng theo Quyết định số 25/QĐ-UBND của UBND thành phố.

Thứ ba, tình hình quản lý Nhà nước về Chính sách người có công

Chính sách ưu đãi người có công được qui định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 21 tháng 6 năm 2007; Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 16 tháng 7 năm 2012. Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều về Pháp lệnh ưu đãi người có công mạng.

Phòng LĐ-TB&XH quận Ngũ Hành Sơn đã tiến hành tham mưu Quận ủy, UBND quận triển khai 8885/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2014 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả triển khai thực hiện có 107 hộ được hỗ trợ sửa chữa và xây mới. Trong đó: có 102 hộ được phê duyệt trong danh sách Đề án, 05 hộ hỗ trợ ngoài Đề án. Trong số

đó, hộ trong diện hỗ trợ sửa chữa 60 hộ, hỗ trợ xây mới 47 hộ với tổng kinh phí đầu tư 5.020.856.000 đồng, trong đó: Nguồn ngân sách thành phố 2.650.000.000 đồng; ngân sách quận 525.856.000 đồng; nguồn do các tổ chức, cá nhân và các doanh nghiệp hỗ trợ 1.835.000.000 đồng.

Thực hiện Công văn số 285/SLĐTBXH-NCC ngày 25/02/2014 của Sở LĐ-TB&XH thành phố Đà Nẵng về việc tổ chức điều dưỡng kết hợp tham quan cho các đối tượng chính sách năm 2014, UBND quận Ngũ Hành Sơn đã tổ chức đi tham quan kết hợp điều dưỡng cho 35 đối tượng chính sách năm 2015, đồng thời tổ chức chi trả tiền điều dưỡng tại nhà cho 837 đối tượng chính sách với tổng kinh phí gần 1.006.770.000 đồng.

Thứ tư, tình hình quản lý Nhà nước về Chính sách Chương trình mục tiêu giảm nghèo

Thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước, UBND quận Ngũ Hành Sơn đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện như: Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2015 của UBND quận về việc thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo và An sinh xã hội năm 2015; Công văn số 319/UBND-PLĐTBXH ngày 16 tháng 3 năm 2015 về việc kiểm tra danh sách sửa chữa nhà ở hộ nghèo năm 2015; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2015 của UBND quận về điều tra hộ có mức thu nhập thấp trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, Công văn 1198/UBND-PLĐTBXH ngày 18 tháng 8 năm 2015 của UBND quận về việc xét chọn hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt giai đoạn 2016 – 2020... để nắm bắt đời sống nhân dân tại địa phương và đề ra các phương án xử lý kịp thời.

2.4. Những ưu điểm và hạn chế, bất cập trong quản lý nhà nước an sinh xã hội tại quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

2.4.1. Những ưu điểm trong quản lý nhà nước an sinh xã hội tại quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Trong những năm qua với sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy và chính quyền

quận Ngũ Hành Sơn cùng với những chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững và đảm bảo an sinh xã hội của Đảng và nhà nước. Hệ thống ASXH quận Ngũ Hành Sơn cũng đạt được những thành tựu quan trọng góp phần khắc phục khó khăn, ổn định đời sống người dân, cụ thể:

Thứ nhất, thành công của chính sách BHXH là Tổng số thu trong năm 164.161 triệu đồng, so với năm 2014 tăng 14.838 triệu đồng (9,94%); so với kế hoạch giao tăng 4.067 triệu đồng (2,54%); Việc chi trả BHXH bảo đảm đúng đối tượng chính sách và là nguồn thu nhập đáng kể đối với các đối tượng được hưởng.

Thứ hai, hoạt động bảo trợ xã hội, do việc mở rộng đối tượng hưởng chính sách cứu trợ xã hội nên đối tượng được hưởng cứu trợ thường xuyên tăng lên đã góp phần giúp những người yếu thế trong xã hội cải thiện được cuộc sống, giảm bớt nghèo đói. Công tác xã hội hóa công tác cứu trợ đã huy động được các cá nhân, tổ chức xã hội tham gia. Đặc biệt là trợ cấp đột xuất khi bị thiên tai lũ lụt, bệnh tật hiểm nghèo.

Thứ ba, hoạt động chính sách người có công đã được mở rộng đối tượng hưởng, đã động viên kịp thời các đối tượng có tham gia cách mạng nhưng do qui định chưa được hưởng chính sách đãi ngộ.

Thứ tư, trong năm 2015, quận Ngũ Hành Sơn không còn hộ nghèo theo tiêu chí cũ của thành phố. Đây là một thành công có sự đóng góp quan trọng của các chính sách ASXH được triển khai trong giai đoạn này tại địa phương. Các chính sách giảm nghèo ngày càng được đổi mới và hoàn thiện như: chính sách tín dụng, hỗ trợ sinh kế, hỗ trợ giáo dục, giải quyết việc làm.... Đời sống của người dân ngày càng được quan tâm, được trợ cấp thường xuyên, cuộc sống của hộ được cải thiện rõ rệt và hòa nhập tốt hơn vào cộng đồng.

2.4.2. Những hạn chế, bất cập trong quản lý nhà nước an sinh xã hội tại quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Bên cạnh những kết quả đạt được hệ thống ASXH quận Ngũ Hành Sơn vẫn còn có những hạn chế cần khắc phục.

Thứ nhất, hệ thống an sinh xã hội chưa đồng bộ, một số chương trình mang tính khả thi thấp.

Hiện nay, những bộ phận cơ bản của hệ thống an sinh trong tỉnh đã được thực hiện nhưng còn chưa đầy đủ, nhiều chương trình an sinh xã hội cần được bổ sung như các chương trình hỗ trợ tích cực cho người lao động chưa được kết nối đưa vào hệ thống. Một số chương trình đưa ra như bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện rất khó có khả năng thực hiện nhưng chưa có biện pháp giải quyết nên tính khả thi của các chương trình này còn thấp. Việc xác định và theo dõi đối tượng tham gia an sinh xã hội có huyện làm chậm dẫn đến hạn chế trong thực hiện chính sách an sinh xã hội. Sự phối hợp giữa ngành chủ quản với cơ quan quản lý bảo hiểm xã hội và các địa phương chưa chặt chẽ, chưa chủ động trong phối hợp giữa bảo hiểm xã hội tỉnh với cơ quan quản lý về bảo hiểm xã hội và các tổ chức chính trị, xã hội địa phương để tuyên truyền, vận động và xử lý đối với các đơn vị sử dụng lao động chưa tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động.

Thứ hai, nguồn tài chính thực hiện các chương trình an sinh xã hội thiếu bền vững.

Nguồn kinh phí phân bổ cho các chương trình an sinh xã hội thấp, trong khi số đối tượng gia tăng, giá cả thị trường thay đổi mạnh.

Đối với bảo hiểm xã hội, bảo hiểm xã hội bắt buộc được coi là loại hình an sinh xã hội có nguồn tài chính được đảm bảo nhất trong các loại hình an sinh xã hội nhưng vấn đề bền vững về nguồn tài chính vẫn đứng trước những khó khăn, thách thức. Chưa có cơ chế đủ mạnh cho hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội. Hiện tại, quỹ bảo hiểm xã hội tạm thời nhàn rỗi tương đối lớn

nhưng hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội trong thời gian qua còn đơn điệu.

Đối với tài chính cho bảo hiểm y tế, theo quy định hiện hành, quỹ bảo hiểm y tế bắt buộc được hình thành từ sự đóng góp của người lao động, người sử dụng lao động, ngân sách Nhà nước, nguồn thu từ hoạt động đầu tư tiền nhàn rỗi và các nguồn thu khác. Tuy nhiên, trong thực tế ngân sách Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong quy mô quỹ bảo hiểm y tế. Quỹ khám chữa bệnh BHYT mất cân đối thu – chi do nhiều nguyên nhân:

Mức đóng bảo hiểm y tế của các đối tượng thấp so với mức gia tăng chi phí y tế và giá cả khác, nhất là mức đóng bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm y tế người nghèo.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ y, bác sĩ ở các cơ sở khám chữa bệnh trong quận có nhiều tiến bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân trong quận; các điểm, khu vui chơi cho trẻ em còn thiếu, đặc biệt là đối với các vùng nông thôn; tỷ lệ cấp phường có khu vui chơi cho trẻ em còn ít. Nguyên nhân là nguồn kinh phí sự nghiệp Bảo vệ chăm sóc trẻ em do ngân sách địa phương cấp chưa đảm bảo, nhiều địa phương chưa chủ động tích cực trong việc lập quy hoạch xây dựng các khu trung tâm vui chơi, giải trí cho trẻ em.

Thứ ba, nhận thức về chính sách an sinh xã hội mặc dù được cải thiện nhưng vẫn chưa đầy đủ.

Công tác tuyên truyền từng lúc, từng nơi chưa thật sự đi vào chiều sâu nên còn một số người dân chưa nhận thức rõ mục đích, ý nghĩa và tính nhân đạo, nhân văn của chính sách bảo hiểm y tế; chưa nhận thức được tinh thần cộng đồng chia sẻ, ý thức quyền lợi đi đôi với trách nhiệm, nên chưa tích cực tham gia.

Đối với bảo hiểm xã hội bắt buộc, việc ban hành và thực thi chính sách bảo hiểm xã hội trải qua một thời kỳ dài, song đến nay nhận thức của xã hội

về chính sách này thường rất hạn chế. Phần đông người lao động và người dân chưa hiểu biết về bản chất, vai trò của chính sách bảo hiểm xã hội đối với đời sống người lao động cũng như đối với sự phát triển của xã hội.

Đối với bảo hiểm xã hội tự nguyện, người dân chưa có hiểu biết về bảo hiểm xã hội nói chung, bảo hiểm xã hội tự nguyện nói riêng chiếm tỷ lệ khá cao, nhất là nông dân tự do mà nguyên nhân là do trình độ dân trí thấp.

Trong lĩnh vực bảo hiểm y tế, vẫn còn tình trạng chưa hiểu biết đầy đủ về nguyên lý hoạt động của bảo hiểm y tế nói chung và bảo hiểm y tế tự nguyện nói riêng. Quỹ bảo hiểm y tế là quỹ tài chính do những người tham gia đóng góp và để thanh toán chi phí khám chữa bệnh cho chính họ nếu rủi ro ốm đau. Do đó quỹ bảo hiểm y tế là nguồn tài chính có hạn, phụ thuộc vào sự đóng góp của cộng đồng những người tham gia bảo hiểm y tế. Những hiện nay vẫn còn nhiều doanh nghiệp, nhiều người lao động không quan tâm đến việc đóng bảo hiểm y tế để được hưởng quyền lợi khi ốm đau.

Trong chính sách trợ giúp xã hội và ưu đãi xã hội, Cùng với cả nước, quận Ngũ Hành Sơn đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, nhận thức về hệ thống an sinh xã hội nói chung, trợ giúp xã hội nói riêng chưa thật đầy đủ. Trình độ và kiến thức sản xuất của một bộ phận người nghèo còn thấp dẫn đến việc tiếp thu tiến bộ mới về kỹ thuật sản xuất và tiếp cận vốn cho vay ưu đãi có hạn chế. Nhận thức về trợ giúp xã hội vẫn nặng nề các hoạt động nhân đạo từ thiện, “lá lành đùm lá rách”, chưa phải sự chia sẻ trách nhiệm xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu, quyền của đối tượng và đảm bảo an toàn cho mọi thành viên trong xã hội khi gặp rủi ro.

Thứ tư, hệ thống văn bản pháp luật quy định về an sinh xã hội chưa đầy đủ và chưa hoàn thiện.

Nhiều cơ chế, chính sách mới được xây dựng và thực hiện như bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp, nhưng các quy định hướng dẫn thực

hiện còn chưa được hoàn thiện và kịp thời; chính sách bảo hiểm y tế thường xuyên thay đổi và có nhiều bất cập, gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện ở cơ sở, một số chính sách chưa thu hút được sự quan tâm và tham gia của người dân, trong khi đó việc nghiên cứu thử nghiệm, hoạt động tuyên truyền, quảng bá và tư vấn chính sách chưa hiệu quả.

Thứ năm, năng lực tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội chưa theo kịp với yêu cầu.

Tính đa dạng của mô hình chính sách, tổ chức hoạt động, phục vụ và nguồn tài chính thực hiện chính sách an sinh xã hội chưa cao. Tính liên thông và hỗ trợ lẫn nhau giữa các hình thức an sinh xã hội còn thiếu. Điều đó gây tâm lý lo ngại và thiệt thòi về quyền lợi của người tham gia vào các chương trình an sinh xã hội.

Thiếu chế tài đủ mạnh để buộc các doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động.

Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về việc không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động của các cơ quan chức năng quản lý về an sinh xã hội chưa thường xuyên. Thực tế cho thấy, số doanh nghiệp đã thanh tra, kiểm tra là rất ít so với yêu cầu, trong khi đó Bảo hiểm xã hội quận Ngũ Hành Sơn không có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xử phạt đối với đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm về quản lý lao động, quỹ tiền lương, không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế kịp thời, hoặc trốn tránh, hoặc có hành vi gian lận, lừa dối để hưởng các chế độ bảo hiểm.

Trong chỉ đạo các cấp còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, tổ chức đoàn thể nhất là trong việc thực hiện các giải pháp; việc lồng ghép các hạng mục, dự án thực hiện cho Chương trình mục tiêu giảm nghèo còn hạn chế, triển khai còn chậm. Mặt khác, sự tự lực vươn lên của hộ nghèo chưa cao, còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước là nguyên nhân chính dẫn đến tái nghèo và phát sinh hộ nghèo mới.

Thứ sáu, thể chế tài chính còn nhiều vướng mắc. Trách nhiệm của một số địa phương, đơn vị trong thực hiện an sinh xã hội chưa cao.

Đối với bảo hiểm xã hội, bảo hiểm xã hội quận Ngũ Hành Sơn đã có văn bản hướng dẫn cụ thể nhưng vẫn còn nhiều đơn vị thực hiện chưa nghiêm túc, việc chấp hành chế độ chi tiêu theo quy định chưa triệt để, việc thanh quyết toán chi phí giữa cơ quan bảo hiểm xã hội với các cơ sở y tế chưa kịp thời.

Trình tự, thủ tục và công tác thống kê quản lý khám chữa bệnh bảo hiểm y tế còn phiền hà, chưa đảm bảo tính thống nhất và thuận lợi cho cả người bệnh, cơ sở y tế và quỹ bảo hiểm y tế. Việc cấp thẻ, đổi thẻ bảo hiểm y tế của một số đối tượng, nhất là ở miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế và khó khăn, vướng mắc trong thực hiện khám chữa bệnh, thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Tài chính cho trợ giúp xã hội còn thiếu công khai ở các cấp địa phương, chưa xác định rõ tỷ lệ, hoặc tổng ngân sách chi cho trợ cấp trợ giúp xã hội hàng năm.

Thế chế tài chính cho ưu đãi xã hội cũng rất bị động, chưa có các dự báo và phương pháp tính toán khoa học cho trung hạn và dài hạn.

Thứ bảy, đội ngũ cán bộ làm công tác an sinh xã hội còn thiếu và tính chuyên nghiệp chưa cao.

Đến nay, cán bộ làm công tác an sinh xã hội của tỉnh rất mỏng và hầu như chưa được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ. Hầu hết cán bộ làm công tác an sinh xã hội chuyển từ lĩnh vực công tác khác sang. Việc tổ chức đào tạo cán bộ cho hệ thống an sinh xã hội chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

Nguyên nhân của hạn chế

Trong quá trình đổi mới kinh tế, nhiều vấn đề an sinh xã hội bức xúc, mới phát sinh chưa được giải đáp một cách toàn diện cả về lý luận và thực tiễn. Hệ thống chính sách, luật pháp về an sinh xã hội theo mô hình hiện nay

không theo kịp với đòi hỏi của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và tiến trình hội nhập quốc tế.

Cùng với sự phát triển thì các nguy cơ, rủi ro kinh tế và xã hội ngày càng có xu hướng tăng. Thành phố Đà Nẵng nói chung và quận Ngũ Hành Sơn nói riêng đang phát triển với điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế đặc thù, nên rất dễ gặp phải rủi ro về thiên tai, lũ lụt, ảnh hưởng đến sinh kế và thu nhập của người dân. Trong khi đó, do nguồn lực còn hạn chế, nên chúng ta chưa thật chủ động bảo đảm an sinh xã hội cho đông đảo dân cư.

Mức đóng, mức hưởng bảo hiểm xã hội còn chưa hợp lý, chưa bảo đảm cuộc sống cho các đối tượng thụ hưởng. Mức độ bền vững về tài chính, tính liên kết giữa các chế độ, chính sách an sinh xã hội còn nhiều bất cập nên vẫn chưa thu hút được các đối tượng tham gia bảo hiểm tự nguyện.

Kết luận Chương 2

Trong những năm qua với sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy và chính quyền quận Ngũ Hành Sơn cùng với những chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững và đảm bảo an sinh xã hội của Đảng và nhà nước. Công tác quản lý nhà nước về ASXH quận Ngũ Hành Sơn đã đạt được những thành tựu quan trọng góp phần khắc phục khó khăn, ổn định đời sống người dân.

Tuy vậy, công tác quản lý nhà nước về ASXH cũng còn những hạn chế cần khắc phục như: 1) *Hệ thống an sinh xã hội chưa đồng bộ, một số chương trình mang tính khả thi thấp.* 2) *Nguồn tài chính thực hiện các chương trình an sinh xã hội thiếu bền vững.* 3) *Nhận thức về chính sách an sinh xã hội mặc dù được cải thiện nhưng vẫn chưa đầy đủ.* 4) *Hệ thống văn bản pháp luật quy định về an sinh xã hội chưa đầy đủ và chưa hoàn thiện.* 5) *Năng lực tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội chưa theo kịp với yêu cầu.* 6) *Thế chế tài chính còn nhiều vướng mắc. Trách nhiệm của một số địa phương, đơn vị*

trong thực hiện an sinh xã hội chưa cao.7) Đội ngũ cán bộ làm công tác an sinh xã hội còn thiếu và tính chuyên nghiệp chưa cao.

Vì thế, trong giai đoạn tới, Nhà nước cần có những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ASXH ở Việt Nam nói chung và quận Ngũ Hành Sơn nói riêng.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN SINH XÃ HỘI QUA THỰC THI TRÊN THỰC TIỄN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Nhu cầu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội

Thứ nhất, xuất phát từ những hạn chế và bất cập trong QLNN về ASXH như: hệ thống ASXH chưa đồng bộ, tính khả thi thấp, hệ thống văn bản pháp luật quy định về ASXH chưa đầy đủ và chưa hoàn thiện, năng lực tổ chức, tài chính còn thiếu chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của xã hội và chưa theo kịp với sự phát triển của kinh tế thị trường.

Thứ hai, có thể dễ dàng nhận thấy trong tương lai những hậu quả của kinh tế, lạm phát và biến động bất lợi của kinh tế thị trường, của thiên tai, bão lũ, hạn hán, mất mùa đối với người nghèo và người lao động thu nhập thấp. Lạm phát tăng cao trong khi tình trạng kinh tế đình trệ đã tạo nên áp lực lớn đối với đời sống xã hội và ảnh hưởng bất lợi đến các hoạt động sản xuất. Quy mô sản xuất của nhiều doanh nghiệp co lại, buộc phải thải lao động. Những cú sốc về giá cả, thị trường, đau ốm luôn có tác động hiện hữu đến đời sống của người nghèo.

Thứ ba, chính sách an sinh xã hội đang bộc lộ những thiếu hụt khi các dịch vụ công không còn được bao cấp như trước trong điều kiện kinh tế thị trường. Sự phân cách giàu nghèo ngày càng lớn gây nên sự thiệt thòi cho người nghèo và các nhóm yếu thế, đồng thời hạn chế cơ hội và điều kiện tiếp cận đến các dịch vụ ASXH. Chất lượng các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế quá khác nhau giữa thành thị và nông thôn. Hệ thống ASXH hiện nay nhà nước bao cấp và tổ chức thực hiện chưa đảm bảo được tính đồng thuận xã hội, mức độ minh bạch thấp và nhất là chưa động viên được sự tham gia của các

thành phần xã hội, sự kết hợp công - tư còn thiếu và yếu trong các hoạt động an sinh xã hội.

Thứ tư, năng lực xây dựng chính sách an sinh xã hội vẫn còn những hạn chế nhất định. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, luật pháp, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách an sinh xã hội chưa được quan tâm đúng mức. Quản lý nhà nước về an sinh xã hội chưa tốt do quá nhiều chính sách, lại được ban hành ở nhiều giai đoạn khác nhau, áp dụng cho nhiều nhóm đối tượng khác nhau nên chông chéo, thiếu tính hệ thống, gây khó khăn cho việc quản lý chính sách an sinh xã hội và đối tượng thụ hưởng các chính sách đó.

Thứ năm, việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội ở các cấp, nhất là cấp cơ sở còn yếu. Nguồn lực cho thực hiện chính sách còn hạn hẹp, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước còn thấp, phân tán, chưa đúng đối tượng; thiếu sự phối hợp, lồng ghép trong việc thực hiện các chính sách; chưa huy động hết sự tham gia từ cộng đồng, thiếu chính sách khuyến khích người dân tự an sinh, người nghèo tự vươn lên thoát nghèo.

Chính những nhu cầu trên, đòi hỏi Nhà nước cần có những phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý về an sinh xã hội.

3.2. Phương hướng nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ASXH từ thực tiễn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Đảng ta khẳng định việc thực hiện chính sách ASXH là một nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị và là trách nhiệm của toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ASXH là một trong những nhiệm vụ cơ bản hướng vào phát triển con người, đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội. Để nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước về ASXH cần có các phương hướng:

Thứ nhất, hướng đến mục tiêu phát triển con người Việt Nam, đảm bảo công bằng xã hội, tiến bộ xã hội và hoàn thiện nền KTTT định hướng XHCN

ASXH có liên quan trực tiếp đến con người, đặc biệt là người lao động. Nó tạo ra cái nền cơ bản, tối thiểu nhất để phát triển con người. Công tác quản lý nhà nước về ASXH càng hoàn thiện thì con người lại càng có điều kiện phát triển. Do đó, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ASXH cho mọi người là một trong những mục tiêu xã hội rất quan trọng, thể hiện tính ưu việt của chế độ XHCN, đồng thời cũng phù hợp với xu thế chung của cộng đồng quốc tế là hướng đến xã hội phồn vinh và công bằng. Thông qua ASXH, Nhà nước đảm bảo sự an toàn cho người lao động khi họ phải đối mặt với các trường hợp rủi ro. Do vậy, thiết lập được chính sách ASXH nhiều tầng và không có sự loại trừ là mục tiêu cơ bản của mọi hệ thống ASXH hiện đại.

Nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước về ASXH còn là một biện pháp để Nhà nước đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội xã hội. Các chế độ ASXH phải phản ánh trình độ phát triển xã hội của đất nước và giữ vai trò điều tiết, phân phối thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, đảm bảo sự bình đẳng xã hội, làm cho nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta ngày càng hoàn thiện hơn.

Quản lý của Nhà nước về ASXH phải dựa trên *nền kinh tế đa sở hữu, đa thành phần, phù hợp với quy luật thị trường và đảm bảo định hướng XHCN*. Bản chất của nền KTTT là một nền kinh tế mở, vì thế, Nhà nước cũng phải thiết lập chính sách ASXH có tính mở. Nghĩa là, một mặt, chính sách ASXH một cách thống nhất, làm cho ASXH và KTTT thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Mặt khác, Nhà nước phải tạo ra cơ chế để khuyến khích các thành phần xã hội khác tham gia cung cấp các dịch vụ ASXH.

Để phát huy vai trò của mình, Nhà nước phải *tập trung cải cách* mô hình ASXH cho phù hợp với nền KTTT. Theo đó, từng bước xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách ASXH mang tính *toàn dân, mở rộng khả năng tiếp cận và diện bao phủ*, bảo đảm người dân *có mức sống tối thiểu, có khả năng liên kết, chống đỡ thành công* trước rủi ro. Đặc biệt, Nhà nước cần chú trọng phát triển hệ thống ASXH đối với khu vực nông thôn, dân tộc thiểu số, các

đối tượng bị tác động bởi quá trình cải cách kinh tế và xã hội như lao động di cư, người thuộc diện thu hồi đất, bị tác động bởi khủng hoảng, người có công, trẻ em, người già, người tàn tật.

Thứ hai, xuất phát từ trình độ phát triển KT - XH của nước ta hiện nay để nâng cao hiệu quả quản lý về ASXH

Công tác quản lý nhà nước về ASXH chỉ được thực hiện hiệu lực và hiệu quả khi nó phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển KT - XH của đất nước. Do đó, Nhà nước phải *căn cứ vào đặc điểm và trình độ* phát triển của nền KT - XH để hoạch định và thực thi chính sách ASXH. Hiện nay, nền kinh tế nước ta vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng XHCN và đang chịu tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa. Đặc biệt, nước ta chưa thoát khỏi tình trạng là một nước thu nhập thấp, dân số phân đông là nông dân, hậu quả chiến tranh để lại còn nặng nề. Xu hướng già hóa dân số và xu hướng di dân diễn ra mạnh mẽ. Trong khi đó, thiên tai, bão lụt lại diễn ra thường xuyên, diễn biến rất phức tạp, khó lường, v.v. Chính những đặc điểm này đã tạo ra hoàn cảnh *đặc thù* và có ảnh hưởng không nhỏ tới mục tiêu, nội dung và phương thức thực hiện quản lý ASXH của Nhà nước.

Từng bước phát triển các chính sách ASXH với nội dung, cách tiếp cận và chuẩn mực quốc tế; huy động sự liên kết, hợp tác khu vực và quốc tế thực hiện chính sách ASXH đối với người lao động trong bối cảnh di chuyển lao động quốc tế ngày càng mạnh mẽ.

Tính khả thi của hệ thống ASXH chỉ được đảm bảo khi nó phù hợp với trình độ phát triển KT - XH trong từng thời kỳ, mức độ biến động thu nhập, mức độ cải thiện điều kiện sống, chất lượng cuộc sống của các tầng lớp dân cư mà mặt bằng của nó là thu nhập và mức sống bình quân của các hộ gia đình. Thực tiễn hơn 60 năm thực hiện ASXH theo tư duy bao cấp, duy ý chí, thoát li khỏi cơ sở kinh tế cho thấy, nếu phát triển hệ thống ASXH dựa theo

sự mong muốn không phù hợp với điều kiện KT - XH tất yếu sẽ gây tác động xấu, thậm chí cản trở sự phát triển.

Thứ ba, tạo sự liên kết giữa thực hiện chính sách ASXH với các chính sách KT - XH khác

Nhà nước phải tạo sự đồng bộ, liên thông giữa các chính sách trong cùng hệ thống ASXH (chính sách BHXH, BHYT, UĐXH, TGXH) và với các chính sách KT - XH khác (chính sách thị trường lao động, việc làm, xóa đói giảm nghèo, v.v.).

Cơ chế đan kết trong thực hiện chính sách ASXH được hiểu ở hai khía cạnh: *Một là*, tăng cường hiệu quả quản lý thực hiện chương trình, tránh trùng lặp giữa chính sách ASXH và các chương trình, dự án về mục tiêu, nội dung, biện pháp và nguồn lực khác thông qua cơ chế phối hợp giữa cơ quan thực hiện chính sách ASXH với các cơ quan có liên quan; *mặt khác*, tăng cường sự phối hợp theo chiều dọc và chiều ngang giữa các cơ quan thực hiện chính sách ở Trung ương và địa phương. Chỉ khi đó, Nhà nước mới tạo lập được lưới an sinh nhiều tầng và tránh được hệ lụy thường gặp là cải thiện an sinh ở lĩnh vực này nhưng lại làm “mất an sinh” ở lĩnh vực khác. Vì thế, các hợp phần của hệ thống ASXH phải tạo thành "mái nhà chung" để bảo đảm an toàn cho mọi thành viên trong xã hội. Chính sách ASXH phải trở thành công cụ điều tiết, phân phối thu nhập giữa các nhóm dân cư để bảo đảm công bằng xã hội, hạn chế phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội và thúc đẩy kinh tế phát triển. Ngược lại, phát triển kinh tế phải là cơ sở, là phương tiện và tiền đề cho thực hiện chính sách ASXH.

Thứ tư, phát huy vai trò cộng đồng, truyền thống dân tộc, hợp tác quốc tế trong quản lý về ASXH

Đẩy mạnh hoạt động xã hội hoá thực hiện ASXH góp phần làm giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Nhà nước có biện pháp khuyến khích khu vực tư nhân tham gia thực hiện quản lý ASXH theo hướng có lợi cho quốc kế,

dân sinh. Đồng thời, Nhà nước cần phát huy hơn nữa vai trò của truyền thống tương thân, tương ái của dân tộc Việt Nam trong quản lý về ASXH. Đây là một giá trị tốt đẹp, phù hợp với xu hướng đảm bảo ASXH toàn diện, bền vững mà cộng đồng thế giới đang hướng đến.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, việc nâng cao hiệu quả quản lý về ASXH của Nhà nước không thể tách rời với quá trình đó. Do vậy, Nhà nước cần tiếp tục kế thừa kinh nghiệm các nước, tranh thủ nguồn lực bên ngoài để xây dựng và thực hiện mô hình ASXH hiện đại và phù hợp với trình độ phát triển của nước ta hiện nay.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả QLNN về ASXH từ thực tiễn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng phải trên tinh thần kế thừa, sửa đổi, bổ sung những quy định hiện hành trong QLNN về ASXH.

3.3. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội từ thực tiễn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Thứ nhất, hình thành khung chính sách ASXH năng động theo xu hướng cộng đồng quốc tế đang hướng tới

Ngày nay, vai trò của chính sách ASXH không chỉ còn giới hạn trong việc tái phân bổ thu nhập và trợ cấp để đảm bảo nhu cầu vật chất cơ bản cho người dân mà nó còn là *phương tiện* phòng tránh và bảo vệ từng cá nhân trước những rủi ro trong cuộc sống, hướng đến *phát triển con người toàn diện*. Đây là bản chất và mục tiêu của “*khung chính sách ASXH năng động*” mà các quốc gia trên thế giới đang hướng đến.

Ở nước ta hiện nay, để hình thành khung chính sách ASXH năng động, Nhà nước cần phải tiếp tục có những đổi mới đối với từng bộ phận chính sách cơ bản nói riêng và cả hệ thống ASXH nói chung. Trong đó trọng tâm là *phát triển đồng bộ, đa dạng các chính sách bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN và các hình thức bảo hiểm thương mại khác)* và có *biện pháp hỗ trợ phù hợp để người dân được tham gia vào các loại hình bảo hiểm*.

Đối với chính sách BHXH: Nhà nước có các cơ chế và biện pháp hỗ trợ để mở rộng độ bao phủ của các chính sách bảo hiểm (*bắt buộc và tự nguyện, BHXH và bảo hiểm thương mại*).

Trước mắt, Nhà nước tiếp tục cụ thể hóa, chi tiết hoá nội dung của Luật BHXH. Trong đó, *thứ nhất*, tập trung xác định rõ đối tượng tham gia BHXH bao gồm đối tượng bắt buộc là người làm công ăn lương của cả khu vực công và khu vực tư và BHXH tự nguyện cho mọi người dân theo nguyên tắc "đóng - hưởng"; xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên tham gia BHXH. *Thứ hai*, điều chỉnh căn cứ đóng BHXH cho phù hợp với đặc điểm của nền KTTT ở nước ta; tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các chế độ BHXH phù hợp với yêu cầu của giai đoạn mới, gắn với điều chỉnh lương hưu và lộ trình cải cách tiền lương. Mức đóng BHXH phải trên cơ sở mức tiền lương, tiền công thực tế của người lao động chứ không theo thang bảng lương như hiện nay. *Thứ ba*, cần điều chỉnh tuổi nghỉ hưu của người lao động cho phù hợp với sự gia tăng về tuổi thọ của người Việt Nam. Đặc biệt, từng bước loại bỏ những quy định nghỉ hưu trước tuổi và xem xét kéo dài thời gian lao động và đóng BHXH. *Thứ tư*, xây dựng chính sách BHXH tự nguyện cho người lao động, trong đó có chính sách hỗ trợ người lao động thu nhập thấp, lao động ở nông thôn tham gia các loại hình BHXH tự nguyện.

Về lâu dài, cần hoàn thiện các quy định của pháp luật về BHXH. Trên cơ sở đánh giá các quy định của Luật BHXH và từ thực tiễn tổ chức thực hiện chính sách BHXH, Quốc hội cần sớm sửa đổi, bổ sung Luật BHXH cho phù hợp với tình hình hiện nay.

Đối với chính sách BHYT: Nhà nước cần sớm ban hành và hoàn thiện văn bản hướng dẫn thi hành luật nhằm tạo điều kiện cho người dân và các cơ sở khám chữa bệnh có đủ căn cứ pháp luật để thực hiện. Đặc biệt, cần phải chú trọng đến những chính sách đối với bà mẹ, trẻ em, người nghèo, người dân ở vùng khó khăn, người lao động trong các khu vực phi chính thức.

Trước mắt, cần ưu tiên mở rộng chính sách BHYT tự nguyện cho khu vực nông nghiệp và khu vực phi chính thức, các hộ gia đình và các loại hình BHYT khác nhằm đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trong tình hình mới. Thực hiện cấp BHYT đối với trẻ em tùy theo hoàn cảnh gia đình để tăng cơ hội hưởng thụ dịch vụ y tế cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện BHYT bắt buộc đối với học sinh, sinh viên theo nguyên tắc gia đình học sinh đóng góp phần lớn mức phí, ngân sách nhà nước hỗ trợ tùy theo đối tượng hộ gia đình. Mở rộng các hình thức BHYT kinh doanh theo nguyên tắc tự nguyện để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh linh hoạt và chất lượng cao của các tầng lớp dân cư, đặc biệt là người có thu nhập cao.

Cùng với việc phát triển các loại hình BHYT theo nguyên tắc đóng – hưởng thì Nhà nước cần có hỗ trợ cho người nghèo, cận nghèo, trẻ em, các đối tượng chính sách và bảo trợ xã hội để họ được hưởng thụ những chế độ ưu việt của các chính sách bảo hiểm. Sự hỗ trợ của Nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc *Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho người dân mua thẻ BHYT; chuyển phần kinh phí Nhà nước hỗ trợ cho các cơ sở y tế công lập sang hình thức hỗ trợ trực tiếp cho người hưởng thụ thông qua hình thức hỗ trợ mệnh giá thẻ BHYT; tạo điều kiện để người thụ hưởng dịch vụ y tế được lựa chọn cơ sở dịch vụ y tế, không phân biệt công lập hay ngoài công lập, v.v.*

Với chính sách UĐXH và chính sách TGXH: Đổi mới và hoàn thiện chính sách UĐXH và chính sách TGXH theo hướng:

Tiếp tục điều chỉnh mức trợ cấp ưu đãi sao cho đảm bảo mức sống của người có công ngang bằng và cao hơn mức sống của dân cư cùng khu vực.

Nghiên cứu hoàn thiện các chế độ ưu đãi và trợ cấp trực tiếp tác động đến đời sống của người có công: như chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ nhà ở, ưu đãi về vốn, thuế, giáo dục, việc làm...

Tăng cường phối hợp giữa các ngành, các đoàn thể trong việc định hướng, xác định mục tiêu và nội dung các chương trình hoạt động nhằm phát

huy thế mạnh của từng ngành, từng đoàn thể trong thực hiện chính sách UĐXH và TGXH.

Nhà nước ban hành cơ chế và biện pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả xã hội hóa việc chăm sóc người có công một cách sâu rộng và bền vững.

Tiếp tục mở rộng đối tượng và điều kiện hưởng thụ TGXH đến toàn bộ các nhóm dân cư dễ bị tổn thương với mức trợ giúp phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế; phấn đấu bảo đảm cho mọi người dân nếu có thu nhập dưới mức sống tối thiểu đều được nhận TGXH của Nhà nước và cộng đồng; mở rộng và phát triển hơn các quỹ dự phòng và cơ chế trợ giúp tại các địa phương để hỗ trợ kịp thời cho nhân dân khi có rủi ro đột xuất.

Tiếp tục điều chỉnh chính sách TGXH theo hướng thực hiện linh hoạt và chủ động ứng phó có hiệu quả với các biến cố, rủi ro ngày càng có diễn biến khó lường. Đa dạng hoá các hình thức hỗ trợ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của đối tượng trên cơ sở mở rộng sự tham gia của các đối tượng vào các hoạt động trợ giúp.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn hệ thống luật về ASXH

Trong thời gian vừa qua, mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về ASXH như: *Luật BHXH, Luật BHYT, Luật BHTN, v.v.* nhưng vẫn còn thiếu nhiều đạo luật quan trọng nhằm thể chế hoá ở mức cao nhất tất cả các trụ cột của hệ thống ASXH như: *Luật ASXH, Luật TGXH, Luật Người có công, Luật việc làm, Luật tiền lương tối thiểu, v.v.* Vì vậy, trước mắt, Nhà nước cần nhanh chóng rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cụ thể hóa và hoàn thiện các quy định hiện hành của pháp luật về ASXH với các nội dung:

- Mở rộng phạm vi đối tượng tham gia tiến tới đảm bảo quyền tham gia vào các loại hình đảm bảo ASXH cho mọi người lao động.

- Cải cách các thủ tục hành chính, đơn giản hoá các thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia vào các loại hình chính sách.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành nhằm đảm bảo an toàn quỹ và quyền lợi người tham gia; mở rộng quyền lợi người tham gia; nâng cao chất lượng dịch vụ ASXH, v.v.

- Chú trọng hơn đến việc đảm bảo chế độ UĐXH và TGXH cho đối tượng đủ điều kiện hưởng; thành lập các quỹ TGXH thích hợp với nhu cầu của người dân (quỹ thiên tai, quỹ nghèo đói) để đảm bảo tập trung nguồn lực và điều hòa tài chính cho hoạt động TGXH một cách chủ động; chú trọng việc xã hội hóa hoạt động TGXH.

Cùng với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về ASXH thì việc nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về ASXH cũng phải được xem là nhiệm vụ cấp bách hiện nay. Yêu cầu đặt ra cho Nhà nước là phải tăng cường chỉ đạo và thể chế hoá về tổ chức, quản lý cũng như cơ chế tài chính cho chính sách ASXH được thực hiện thông suốt. Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý việc vi phạm quy định pháp luật về ASXH. Hoàn thiện chế tài xử lý vi phạm pháp luật về ASXH. Đề nghị với Quốc hội xem xét đưa tội danh trốn đóng BHXH vào tội danh hình sự; xem xét nâng mức xử phạt hành chính, áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung; tăng cường công tác phối hợp trong giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về ASXH.

Nghiên cứu hình thành cơ quan quản lý nhà nước chung về ASXH, tránh tình trạng nhiều cơ quan cùng có chức năng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ASXH như hiện nay. Theo ý kiến của nhiều chuyên gia và các nhà quản lý thì có thể thành lập Tổng cục ASXH trực thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Cơ quan này sẽ là đầu mối và chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực ASXH. Như vậy sẽ hạn chế được tình trạng chồng chéo, vừa lấn sân vừa buông lỏng quản lý và thực hiện chính sách, pháp luật về ASXH như hiện nay.

Thực hiện chương trình tổng thể về cải cách hành chính và hiện đại hoá hoạt động hành chính trong lĩnh vực ASXH. Đẩy mạnh cải cách lập pháp, hành pháp và tư pháp, đổi mới tư duy và quy trình xây dựng pháp luật ASXH.

Hoàn thiện cơ chế phân cấp, bảo đảm quản lý thống nhất về quy hoạch và những định hướng phát triển hệ thống chính sách ASXH. Đồng thời, cần đặc biệt đề cao vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm, năng lực của từng cấp, từng ngành trong thực hiện chính sách ASXH. Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc thực hiện pháp luật về ASXH, đặc biệt là pháp luật về BHXH, BHYT.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị, có năng lực, có tính chuyên nghiệp cao, tận tụy phục vụ. Quy định rõ và đề cao vai trò của người đứng đầu về trách nhiệm thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về đảm bảo ASXH trong cơ quan, đơn vị.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế tài chính cho hệ thống an sinh xã hội

Nhanh chóng tạo lập cơ chế tài chính độc lập, tăng trưởng nhanh, có khả năng đảm bảo được cân đối thu – chi bảo hiểm xã hội một cách vững chắc. Hàng năm xem xét trích nguồn tài chính từ ngân sách của địa phương, vận động quỹ từ thiện, quỹ vì người nghèo,... hỗ trợ cho đối tượng cận nghèo, người sống ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa để tham gia bảo hiểm y tế. Bảo đảm cung cấp kịp thời kinh phí khám, chữa bệnh cho người có công với cách mạng, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách xã hội khác.

Đối với các loại hình bảo hiểm xã hội có tính bắt buộc, không mang mục đích sinh lời đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của ngân sách thành phố. Quỹ bảo hiểm xã hội có liên quan chặt chẽ đến ngân sách thành phố nên phải được Sở tài chính thành phố Đà Nẵng quản lý, kiểm tra chặt chẽ. Từng bước điều chỉnh mức thu phí bảo hiểm theo luật định và phù hợp với tiến trình cải cách chế độ tiền lương. Đổi mới chính sách và cơ chế tài chính nhằm khai thác các nguồn lực tài chính, bổ sung nguồn lực vật chất cho việc thực hiện một số chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện và đảm bảo yêu cầu bảo tồn, phát triển quỹ bảo

hiểm xã hội tự nguyện. Cần đa dạng hóa quỹ bảo hiểm tự nguyện dưới nhiều hình thức như: quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện theo luật định, bảo hiểm xã hội cổ phần và bảo hiểm xã hội tư nhân để tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh chống độc quyền. Đầu tư phát triển quỹ bảo hiểm xã hội trên nguyên tắc cân đối thu – chi, quỹ bảo hiểm xã hội phải thường xuyên được bổ sung các nguồn tài chính từ các hoạt động đầu tư tài chính theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Bảo hiểm xã hội quận hướng dẫn xây dựng và phát triển các quỹ bảo hiểm xã hội cộng đồng nông thôn. Xã, phường đóng góp quỹ tùy theo tình hình kinh tế của địa phương.

Xác định mức phí đóng bảo hiểm y tế bảo đảm đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cơ bản, ít nhất mức phí bảo hiểm y tế bình quân phải bảo đảm bù đắp chi phí điều trị, mức sử dụng dịch vụ của các nhóm tham gia bảo hiểm y tế. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ kinh phí để mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng.

Đổi mới chính sách tài chính cho bảo trợ xã hội và ưu đãi người có công. Đổi mới cơ chế lập dự toán và phân bổ định mức chi tiêu ngân sách thành phố cho về bảo trợ xã hội và ưu đãi người có công theo hướng công khai, minh bạch và xuất phát từ nhu cầu thực tế (số lượng đối tượng và mức trợ cấp); khắc phục tình trạng thiếu nguồn chi trợ cấp xã hội hoặc chậm chi trả đối tượng người có công. Nghiên cứu hình thành quỹ phát triển cộng đồng tại cơ sở, có quy chế quản lý chặt chẽ và thống nhất các quỹ xã hội do dân tự nguyện đóng góp. Đổi mới và nâng cao định mức phân bổ ngân sách cho mục chi đảm bảo xã hội, cần minh bạch các mục chi của đảm bảo xã hội, trong đó có mục chi bảo trợ xã hội.

Thứ tư, khuyến khích xã hội hoá, tăng cường sự tham gia của người dân vào việc thực hiện chính sách an sinh xã hội

Nhà nước khẳng định phương châm xã hội hoá thực hiện chính sách ASXH là một giải pháp cơ bản, bền vững. Nội dung xã hội hoá thực hiện

chính sách ASXH là vận động các tầng lớp nhân dân tham gia đóng góp các nguồn lực để cùng với Nhà nước cung cấp các dịch vụ an sinh tốt nhất cho người có nhu cầu. Triển khai chính sách ASXH thông qua cơ chế xã hội hóa thường đem lại hiệu quả cao hơn so với sự bao cấp của Nhà nước. Đồng thời, xã hội hoá còn góp phần tạo ra môi trường cạnh tranh giữa các tổ chức, khơi dậy tính sáng tạo và chủ động, tích cực của cộng đồng, nhờ vậy mà có thể đa dạng hoá và tăng nguồn cung ứng các dịch vụ công cho xã hội, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân và làm giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, v.v.

Trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả công tác xã hội hoá trong việc thực hiện chính sách ASXH, Nhà nước cần có các biện pháp sau:

Một là, tuyên truyền sâu rộng về từng loại hình chính sách ASXH
Đối với BHXH và BHYT: Nhiệm vụ đầu tiên là phải tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quyền, nghĩa vụ đối với việc thực hiện chế độ, chính sách BHXH để người lao động hiểu và tự giác tham gia. Đặc biệt cần phải tập trung tuyên truyền vào những chế độ có liên quan trực tiếp đến sự an toàn của người lao động như: chế độ BHXH, BHYT, BHTN, v.v. Thực hiện có hiệu quả hơn công tác phối hợp giữa Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội với một số Bộ, Ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội như Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Công thương, BHXH Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã, Hội Nông dân...trong công tác xây dựng văn bản cũng như phổ biến, tuyên truyền pháp luật về BHXH ở ngành và địa phương.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức nhằm thay đổi cách nhìn đối với TGXH và UĐXH từ khía cạnh hoạt động nhân tạo từ thiện thành “chia sẻ trách nhiệm” giữa cá nhân, gia đình, xã hội và Nhà nước. Đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục pháp luật về TGXH và UĐXH cho các cấp, ngành, các tổ chức và người dân, trên cơ sở đó nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện pháp luật và chính sách đối với hai nhóm đối tượng nêu trên.

Để thực hiện tốt hơn công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện chính sách ASXH, Nhà nước cần thiết lập các kênh thông tin đa chiều để tiếp nhận và phản hồi ý kiến cho người dân về các vấn đề có liên quan đến chính sách, pháp luật ASXH. Đa dạng hoá hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách, chế độ ASXH thông qua các chuyên mục trên báo, website, truyền hình kịp thời thông tin rộng rãi đến đảo người dân.

Hai là, mở rộng dân chủ trong thực hiện chính sách ASXH

Để người dân tham gia đóng góp ý kiến và phản biện chính sách thì phát huy quyền dân chủ của người dân là vô cùng quan trọng. Thông qua phản biện xã hội, người dân thấy rõ được quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện chính sách ASXH, từ đó, làm cho chính sách gần gũi với nhân dân và được nhân dân tiếp nhận dễ dàng hơn.

Phát huy dân chủ trong thực hiện chính sách ASXH còn góp phần tạo điều kiện cho người dân tham gia giám sát Nhà nước, giám sát các hoạt động chuyên môn, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ASXH. Bởi lẽ, người dân là đối tượng trực tiếp hưởng lợi từ chính sách ASXH, cho nên hơn ai hết họ thấy được chính xác nhất hiệu quả, tác dụng của các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bởi vậy, sự tham gia giám sát, phản biện của nhân dân đối với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ASXH sẽ góp phần làm cho chính sách phản ánh đúng thực tiễn và tính khả thi cao hơn.

Ba là, khuyến khích sự tham gia của chủ thể xã hội vào quá trình thực hiện chính sách ASXH

Cùng với tăng cường vai trò của Nhà nước và cộng đồng, bản thân các đối tượng cũng cần nâng cao trách nhiệm và năng lực tự an sinh. Nhà nước có biện pháp hỗ trợ để mỗi đối tượng chính sách có điều kiện cao nhất tự lo cho bản thân và gia đình về đời sống vật chất và tinh thần.

Về lâu dài, phương thức xã hội hóa cần hình thành cơ chế để mọi thành

phần kinh tế đóng góp nguồn lực cho thực hiện chính sách ASXH. Nhiều quốc gia đã tìm mọi biện pháp, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện chính sách ASXH đối với người lao động và cộng đồng. Nếu không có sự tham gia một cách tích cực, chủ động của doanh nghiệp thì những khó khăn và khiếm khuyết của hệ thống ASXH ở Việt Nam hiện nay sẽ khó có thể được giải quyết.

Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế, thất nghiệp gia tăng...thì xác lập vai trò tích cực của doanh nghiệp trong đảm bảo ASXH là một định hướng đúng đắn. Tuy nhiên, để phát huy được vai trò của doanh nghiệp, Nhà nước cần đưa ra khung pháp lý rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp trong việc thực hiện chính sách ASXH. Nhà nước có cơ chế, chính sách hợp lý nhằm ưu đãi các doanh nghiệp đầu tư vào cung cấp dịch vụ ASXH. Khuyến khích phát triển các mô hình ASXH tự nguyện ở doanh nghiệp. Đồng thời, cần phải có những biện pháp xử lý nghiêm minh các doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động và nhà nước trong đảm bảo ASXH. Hình thành ý thức “thực hiện ASXH của doanh nghiệp”, trong nền KTTT.

Ngoài ra, Nhà nước cần khuyến khích thực hiện chính sách ASXH theo phương thức có sự tham gia của các đối tác xã hội như: tư nhân, tổ chức phi lợi nhuận, bệnh viện tư nhân, trung tâm dạy nghề tư nhân, v.v. để hỗ trợ người yếu thế tiếp cận với chính sách ASXH của Nhà nước được thuận lợi. Vai trò của Nhà nước là quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động thực thi chính sách của các đối tác này nhằm vệ quyền lợi của người dân.

Bốn là, tăng cường quản lý nhà nước đối với công tác xã hội hoá thực hiện chính sách ASXH

Nhà nước có những quy định cụ thể về công tác xã hội hoá trong thực hiện chính sách ASXH nhằm tạo ra sự thống nhất và công bằng giữa các địa phương và các đối tượng. Đẩy mạnh xã hội hóa việc thực hiện chính sách

ASXH phải gắn liền với đổi mới cơ chế, chính sách quản lý lĩnh vực ASXH. Xã hội hóa thực hiện chính sách ASXH phải được đặt trong trong điều kiện nền KTTT định hướng XHCN, chứ không chỉ đơn thuần là tăng đóng góp của dân để giảm bớt gánh nặng ngân sách của Nhà nước hoặc hạn chế vai trò của Nhà nước.

Nhấn mạnh vai trò của công tác xã hội hoá không có nghĩa là xem nhẹ vai trò của Nhà nước hoặc là quá đề cao vai trò của tư nhân, của thị trường. Việc thực hiện chính sách ASXH chỉ thực sự đạt kết quả tốt khi Nhà nước và xã hội có sự phối hợp nhịp nhàng. Nhà nước phải thực hiện tốt chức năng của mình và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường. Đồng thời phải khắc phục tình trạng xã hội hóa nhưng thực chất là thị trường hóa nhiều dịch vụ ASXH, làm ảnh hưởng đến quyền lợi người tham gia và gây ra những vấn đề xã hội mới.

Thứ năm, kết hợp thực hiện chính sách an sinh xã hội với các chính sách kinh tế - xã hội khác

Kết hợp hài hoà giữa phát triển KT - XH với đảm bảo ASXH là một xu hướng phổ quát và đòi hỏi tất yếu khách quan. Quan điểm cơ bản và xuyên suốt của Việt Nam là: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển” [16, tr.101] và “càng đi vào phát triển KTTT, càng phải chăm lo tốt hơn phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, phát triển văn hoá giáo dục, chăm sóc sức khoẻ nhân dân” [16, tr.182]. Cùng với phát triển kinh tế thì cần "tập trung giải quyết vấn đề việc làm và thu nhập cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tạo bước tiến rõ rệt về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm ASXH, giảm tỷ lệ hộ nghèo; cải thiện điều kiện chăm sóc sức khoẻ nhân dân" [16, tr.189]. Để đường lối của Đảng được triển khai cụ thể trong từng chính sách, từng mục tiêu phát triển thì bản thân quá trình thực hiện chính sách ASXH cũng cần phải tập trung vào cả những biện pháp vừa

có tính cụ thể, vừa có tính lâu dài.

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN có sự quản lý của nhà nước

Nhà nước tiếp tục thực hiện nhất quán, lâu dài và ổn định các chính sách kinh tế, tạo điều kiện cho nền KTTT định hướng XHCN phát triển. Trong đó, tiếp tục ưu tiên giải phóng và phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh, hướng các thành phần kinh tế và các tổ chức đó tham gia vào thực hiện chính sách ASXH. Nhà nước có cơ chế điều tiết và quản lý phù hợp đối với nền KTTT, để những thành tựu vật chất mà KTTT mang lại thúc đẩy thực hiện chính sách ASXH, đời sống của nhân dân được cải thiện.

Phát triển KTTT định hướng XHCN có sự quản lý của nhà nước gắn với đảm bảo ASXH phải được thực hiện dựa trên nguyên tắc “vừa tuân thủ theo những quy luật của KTTT, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội” [17, tr.205]. Trong đó trọng tâm là cơ chế thị trường "phải được vận dụng đầy đủ, linh hoạt để phát huy mạnh mẽ và có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, tăng cường đồng thuận xã hội để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" [17, tr.205]. Về phân phối, Nhà nước phải khắc phục triệt để cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp và chế độ phân phối bình quân trong thực hiện chính sách ASXH. Đồng thời, phải coi phát triển kinh tế là cơ sở, là phương tiện để thực hiện chính sách ASXH; ngược lại thực hiện tốt chính sách ASXH là động lực, là cơ sở thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

Hai là, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với việc xây dựng và thực hiện chính sách ASXH.

Ở nước ta hiện nay, phát huy vai trò của Nhà nước trong đảm bảo ASXH

không thể tách rời với quá trình đổi mới, hoàn thiện bộ máy nhà nước theo yêu cầu của việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Nhà nước có trách nhiệm chăm lo, phục vụ nhân dân, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Thực tiễn đã chứng minh, các chính sách ASXH chỉ được thực hiện đầy đủ khi Nhà nước có đủ cơ sở chính trị, kinh tế và bộ máy tổ chức. Do vậy, cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong thực hiện chính sách ASXH cần:

Tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trên nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật về ASXH, vai trò quyết định và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về ASXH của Quốc hội. Hoàn thiện cơ chế, tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp trong hoạt động xây dựng và thực thi chính sách ASXH.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ đối với chính sách ASXH theo hướng thống nhất, thông suốt, trong sạch, vững mạnh, tổ chức bộ máy tinh gọn, hợp lý; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và tổ chức của các cơ quan chuyên trách trong thực hiện chính sách ASXH như: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, BHXH, v.v. Thực hiện phân cấp trách nhiệm cho chính quyền địa phương đi đôi với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát của Trung ương trong đảm bảo ASXH. Nâng cao năng lực dự báo, chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện chế độ, chính sách nhằm quản lý và sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực xã hội đầu tư cho ASXH.

Tăng cường cơ chế giám sát, bảo đảm sự tham gia giám sát của nhân dân đối với quá trình thực hiện chính sách ASXH của cơ quan nhà nước. Tích cực

phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, công khai, minh bạch về quản lý sử dụng các quỹ ASXH.

Cải cách hành chính nhà nước trong việc thực hiện chính sách ASXH trên cả ba phương diện: thể chế chính sách; thể chế tổ chức bộ máy và cán bộ; thể chế tài chính. Trước mắt, Nhà nước tiến hành rà soát tiến tới xoá bỏ các quy định, chế độ chồng chéo, mâu thuẫn và không hợp lý, tạo sự linh hoạt, liên thông và hỗ trợ lẫn nhau giữa các bộ phận để mọi người lao động, mọi thành viên trong xã hội đều được hưởng thụ thành quả của chính sách ASXH ở những mức độ khác nhau. Về lâu dài, Nhà nước phải luật hóa nội dung chính sách ASXH, bổ sung các luật cơ bản, sửa đổi và hoàn thiện các văn bản pháp luật còn thiếu nhất quán, chưa đồng bộ.

Nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước còn phải gắn liền với việc đổi mới phương thức quản lý và điều hành vĩ mô của Nhà nước đối với chính sách đảm bảo ASXH. Coi trọng công tác xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đảm bảo ASXH phù hợp với cơ chế thị trường và định hướng XHCN. Đẩy nhanh tiến độ ra quyết định của các cơ quan nhà nước và tính thống nhất, thông suốt trong hoạt động chỉ đạo, điều hành lĩnh vực liên quan tới đảm bảo ASXH của các cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và thực hiện chính sách ASXH trong tình hình mới. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của mỗi cán bộ, công chức; tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm của hoạt động công vụ trong thực hiện chính sách ASXH.

Đổi mới tài chính công, phòng chống tham nhũng, lãng phí để có nguồn lực đầu tư cho thực hiện chính sách và các chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan đến đảm bảo ASXH như: việc làm, phát triển nguồn nhân lực, dạy nghề, xuất khẩu lao động và chuyên gia; an toàn vệ sinh lao động; giảm nghèo; hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn; nâng cao mức sống của người có

công; chương trình trợ giúp người cao tuổi, chương trình chăm sóc trẻ em đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng; chương trình trợ giúp người tàn tật; chương trình phòng chống tệ nạn xã hội.

Ba là, đẩy mạnh thực hiện chính sách việc làm nhằm cải thiện và đảm bảo thu nhập cho người lao động

Ở nước ta, điều kiện thuận lợi nhất để người lao động tham gia vào hệ thống ASXH dưới các hình thức bảo hiểm là phải có việc làm với thu nhập ở một mức nhất định. Do vậy, chiến lược mở rộng độ bao phủ và tăng mức độ tác động của chính sách ASXH phải gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế, chiến lược hỗ trợ tích cực nhằm tạo việc làm cho người lao động.

Nhà nước cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động. Nhà nước có cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động khu vực phi chính thức, yếu thế tự tạo việc làm thông qua các chính sách ưu đãi để hỗ trợ người lao động học nghề, tìm việc làm. Đồng thời, cần hỗ trợ người nghèo, nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao trình độ, tay nghề, có kiến thức trong sản xuất kinh doanh, năng lực thị trường, tự mình thoát nghèo và vươn lên khá giả. Chỉ có như vậy, người lao động trong các khu vực phi chính thức mới có điều kiện tham gia vào các loại hình bảo hiểm và đảm bảo ASXH lâu dài.

Nhà nước tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về việc làm theo hướng tiếp cận chuẩn mực quốc tế. Trước mắt, cần điều chỉnh Bộ luật Lao động theo hướng sửa đổi, bổ sung những chính sách chung và quy định về việc làm trong quan hệ lao động để tạo tiền đề cho việc xây dựng Luật Việc làm. Xây dựng Chiến lược việc làm, Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm đến 2020. Cụ thể hoá Luật Dạy nghề và có biện pháp ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, v.v. đối với khu vực tư nhân tham gia dạy nghề, tạo việc làm cho người lao động.

Nhà nước cần có chính sách đặc thù để hỗ trợ cho lao động nông nghiệp có đất bị thu hồi để phục vụ cho phát triển công nghiệp và dịch vụ (khu đô thị,

xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và các công trình công cộng, v.v.). Theo cách tính của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, cứ một hecta đất bị thu hồi bình quân sẽ làm cho 13 người lao động bị mất việc làm. Như vậy, số lao động nông thôn mất việc làm do lấy đất nông nghiệp trong cả nước giai đoạn 2006 - 2010 khoảng 2.498.756 người. Hơn nữa, ở nông thôn, mỗi năm có khoảng 1 triệu thiếu niên bước vào tuổi lao động, vì thế vấn đề giải quyết việc làm cho lực lượng này trong 5 năm tới là một nhiệm vụ hết sức khó khăn. Do vậy, để đảm bảo việc làm, thu nhập và đời sống cũng như tạo điều kiện vật chất cho người lao động nông thôn và tạo khả năng tham gia vào các chương trình ASXH thì Nhà nước cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghề, giải quyết việc làm cho những đối tượng này để họ có cơ hội tham gia vào thị trường lao động. Ngoài ra, Nhà nước có chính sách khuyến khích các khu công nghiệp, các doanh nghiệp xây dựng các cơ sở đào tạo nghề tại chỗ, nhằm đào tạo nghề cho người có đất bị thu hồi, đáp ứng ngay nhu cầu lao động của bản thân doanh nghiệp và người lao động. Tăng cường các dịch vụ hỗ trợ việc làm, thông qua hệ thống thông tin thị trường lao động, giúp cho người lao động tìm được việc làm phù hợp.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về thị trường lao động theo hướng đổi mới và tuân thủ quy luật thị trường. Tổ chức lại các Trung tâm giới thiệu việc làm của Nhà nước gắn với việc triển khai thực hiện chính sách BHXH, BHYT và BHTN hiệu quả hơn. Nhà nước cần sớm hoàn thiện pháp luật về quan hệ lao động và cơ chế thoả thuận giữa các bên, đưa quy định phải ký kết “hợp đồng lao động” thành nguyên tắc phổ biến trong xã hội. Tăng cường sự tham gia của các bên trong quan hệ lao động vào quá trình hoạch định chủ trương, đường lối chính sách có liên quan đến thực hiện chính sách ASXH như: tiền lương, bảo hiểm, trợ cấp, v.v.

Đẩy mạnh triển khai các chương trình phát triển KT - XH gắn với đảm bảo ASXH. Khuyến khích tối đa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh

nghiệp phát triển mạnh sản xuất kinh doanh để tạo nhiều việc làm, đồng thời hỗ trợ người dân có việc làm, tăng thu nhập là giải pháp xoá đói giảm nghèo và bảo đảm ASXH tích cực, hiệu quả và bền vững. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, một mặt phải hoàn thiện các chính sách khuyến khích đầu tư, chính sách ưu đãi đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động, nhất là ở địa bàn nông thôn; mặt khác tiếp tục thực hiện đề án Đổi mới và phát triển dạy nghề đến năm 2020, chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn với các giải pháp toàn diện, đồng bộ. Các chính sách hỗ trợ cho người học và cơ sở dạy nghề như: cho vay ưu đãi học nghề, hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bộ đội xuất ngũ, phụ nữ, thanh niên, xuất khẩu lao động... phải được thực hiện đầy đủ và thiết thực hơn.

Tăng cường phân cấp, nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương trong quản lý nhà nước về ASXH. Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch về chính sách, chế độ đối với người lao động và người sử dụng lao động. Tăng cường đối thoại xã hội trong xây dựng và thực hiện chính sách thị trường lao động; xây dựng và hoàn thiện cơ chế ba bên trong quan hệ lao động, thoả ước lao động tập thể ngành và quan hệ lao động hài hoà trong doanh nghiệp.

Bốn là, đổi mới chính sách tiền lương và phân phối thu nhập

Về chính sách tiền lương: Phương hướng cơ bản cải cách tiền lương là phải theo nguyên tắc thị trường, tức là tính đúng, tính đủ giá trị sức lao động trong tiền lương. Tiền lương phải được coi là giá cả sức lao động, được hình thành theo quy luật thị trường, dựa trên cung - cầu về sức lao động, chất lượng, cường độ lao động và mức độ cạnh tranh việc làm. Tiền lương của cán bộ công chức, viên chức phải bằng mức trung bình khá so với mức tiền lương chung. Tiền lương tối thiểu phải đảm bảo mức sống tối thiểu về vật chất cho người lao động. Về lâu dài, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tiền lương bằng cách là xây dựng Luật Tiền lương tối thiểu để đảm

bảo công bằng xã hội.

Xác định đúng các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách tiền lương trong khu vực chính thức. Theo đó, đối tượng hưởng lương từ ngân sách chỉ là công chức thực hiện các công việc quản lý, thúc đẩy KT - XH phát triển, thực thi công vụ, cung cấp các dịch vụ công cho xã hội. Do vậy, từng bước Nhà nước cần hiện thực hoá việc xây dựng hệ thống tiền lương riêng cho khu vực công

Việc cải cách chính sách tiền lương là rất cần thiết phải đảm bảo thay đổi cơ bản quan hệ tiền lương như: Không áp đặt mức lương tối thiểu chung; hình thành các mức lương theo vị trí công việc; các chức danh đặc biệt cần được xác lập các mức lương riêng biệt; xác định số lượng mức lương và mức độ giãn cách giữa các bậc lương hợp lý nhằm tính đến quá trình công tác và phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ, v.v.

Về chính sách phân phối, Nhà nước thực hiện tốt hơn chính sách phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân, phân bổ hợp lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ kinh tế nhà nước nhằm vừa thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững và vừa đảm bảo ASXH. Cần coi việc thực hiện chính sách ASXH là một nội dung quan trọng thể hiện vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền KTTT.

Đổi mới nhận thức và tư duy theo hướng thừa nhận sự tồn tại khách quan của hình thức phân phối đa dạng, thích ứng với tính đa dạng về hình thức sở hữu để tạo động lực phát triển cao hơn và có sự chủ động trong thiết kế các lưới ASXH. Chấp nhận mức độ chênh lệch “phù hợp” về thu nhập và mức sống giữa các nhóm dân cư. Coi đó là một thực tế khách quan và tồn tại lâu dài trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vì thế, yêu cầu xây dựng chính sách ASXH đồng bộ, đa dạng và linh hoạt với nhiều tầng lưới bảo vệ khác nhau là một đòi hỏi bức thiết hiện nay. Chính sách ASXH phải chú trọng gắn kết việc khuyến khích làm giàu hợp pháp với thực hiện giảm nghèo, kết hợp tăng trưởng nhanh với việc hạn chế phân cực xã hội không phù hợp

với định hướng XHCN.

Năm là, thực hiện có hiệu quả chính sách xoá đói giảm nghèo

Tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách xoá đói giảm nghèo và các chương trình trợ giúp người nghèo để mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống ASXH. Các chính sách và giải pháp xoá đói giảm nghèo phải được triển khai đồng bộ trên cả 3 phương diện: (1) Giúp người nghèo tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ công cộng, nhất là về y tế, giáo dục, dạy nghề, trợ giúp pháp lý, nhà ở, nước sinh hoạt; (2) Hỗ trợ phát triển sản xuất thông qua các chính sách về bảo đảm đất sản xuất, tín dụng ưu đãi, khuyến nông - lâm - ngư, phát triển ngành nghề; (3) Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

Nhà nước thông qua các chương trình giảm nghèo tạo điều kiện và trợ giúp cho người nghèo tham gia vào hệ thống ASXH bằng các biện pháp như: Cấp thẻ BHYT, vốn vay ưu đãi, hỗ trợ dạy nghề, tự tạo việc làm, v.v. Cùng với nguồn ngân sách nhà nước, đóng góp của nhân dân và hỗ trợ quốc tế, nguồn quỹ BHXH có thể cho người nghèo vay để phát triển sản xuất và thành lập quỹ ASXH ở cơ sở (thôn, bản, làng).

Để thực hiện xoá đói giảm nghèo nhanh và bền vững, phải đẩy mạnh triển khai các chương trình phát triển KT - XH, trong đó trọng tâm là triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó gắn phát triển kinh tế với xã hội và bảo vệ môi trường, xoá đói giảm nghèo với giải quyết việc làm, phát triển nông thôn với đảm bảo ASXH.

Chủ động phòng chống và ứng phó kịp thời có hiệu quả thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu nhằm hạn chế thiệt hại về người và của, nhất là những vùng thường xuyên xảy ra bão lũ; nghiên cứu hình thành các quỹ dự phòng và cơ chế trợ giúp tại các địa phương để hỗ trợ kịp thời cho nhân dân khi có rủi ro đột xuất.

Sáu là, phát triển đa dạng hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản khác

Xây dựng và triển khai có hiệu quả các chương trình quốc gia về phát triển giáo dục, văn hoá, thông tin, thể thao, dân số, nguồn nhân lực, gia đình và trẻ em. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, nhất là ở các vùng nghèo, đặc biệt khó khăn; đồng thời hoàn thiện các chính sách về miễn giảm học phí, học bổng, tín dụng ưu đãi cho người học, phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi; chính sách khám, chữa bệnh, thụ hưởng văn hoá, thông tin, trợ giúp pháp lý; chính sách nhà ở...cho các đối tượng chính sách, đối tượng khó khăn. Đặc biệt, phải quan tâm làm tốt hơn công tác chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em để hình thành nguồn nhân lực phát triển toàn diện cả về thể chất, trí tuệ, tinh thần và nhân cách.

Không ngừng nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội, trước hết là các dịch vụ công cộng cơ bản, bảo đảm công bằng, bình đẳng cho mọi người dân. Phát triển giáo dục đào tạo, đặc biệt là nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới nội dung và cơ cấu ngành nghề trong nền KTĐT. Đồng thời, các cơ quan, tổ chức cần tuyên truyền để nâng cao nhận thức của nhân dân, đặc biệt là thanh niên về nghề nghiệp, hình thành quan niệm mới về lao động và việc làm. Qua đó sẽ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội phù hợp với yêu cầu của phát triển KT - XH của đất nước.

Thứ sáu, chủ động và tăng cường hợp tác quốc tế về thực hiện chính sách an sinh xã hội

Hội nhập quốc tế để giải quyết các vấn đề ASXH là xu thế tất yếu đối với các quốc gia trong giai đoạn hiện nay. Đảng và Nhà nước chủ trương "đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế " [20, tr.83], để tranh thủ nguồn lực cho việc thực hiện tốt nhất mục tiêu đảm bảo ASXH. Trong điều kiện các nguồn lực dành cho thực hiện chính sách ASXH còn hạn chế thì hợp tác quốc tế được xem là giải pháp quan trọng.

Một là, Nhà nước cần xây dựng chiến lược toàn diện về hợp tác quốc tế

trong lĩnh vực đảm bảo ASXH

Nhà nước cần sớm xây dựng Chiến lược tổng thể về đảm bảo ASXH trong tình hình mới. Cùng với các quốc gia xây dựng một tầm nhìn chung về sự phát triển, xu hướng và vai trò của hệ thống ASXH trong điều kiện hội nhập và toàn cầu hoá. Tập trung xây dựng chiến lược tổng thể ASXH quốc gia, đảm bảo hài hòa giữa khung định hướng phát triển dài hạn với giải quyết những vấn đề có tính chất ưu tiên trước mắt. Có như vậy, hệ thống chính sách ASXH mới phát triển bền vững, đảm bảo tính mục tiêu, tính hướng đích và hiệu quả cao trong quá trình hội nhập.

Nhà nước cần nghiên cứu, đánh giá một cách toàn diện và chính xác tác động của hội nhập quốc tế, của toàn cầu hoá đến đảm bảo ASXH để có chính sách ứng phó phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực. Tiếp tục nghiên cứu và cải cách tổng thể hệ thống chính ASXH quốc gia cho phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế. Tạo sự liên thông và hiệu quả giữa chính sách ASXH với hệ thống các chính sách KT - XH khác. Từ đó đề xuất hình thành hệ thống chính sách ASXH mới, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế của nước ta.

Hai là, chủ động, tích cực và thực hiện có hiệu quả các điều ước và thoả thuận quốc tế trong đảm bảo ASXH mà Việt Nam đã tham gia

Chủ động đề xuất các diễn đàn khu vực và quốc tế nhằm nâng cao vai trò của Nhà nước trong việc giải quyết những vấn đề ASXH trong khu vực và toàn cầu. Vận động chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế ủng hộ và đầu tư vào các lĩnh vực KT - XH gắn với đảm bảo ASXH của Việt Nam.

Chủ động cùng với các đối tác thúc đẩy và đề xuất những phương hướng và quyết sách đúng đắn nhằm củng cố đoàn kết, tăng cường hợp tác và liên kết khu vực; tiếp tục mở rộng và làm sâu sắc thêm quan hệ giữa Việt Nam với các Đối tác, qua đó, giữ vững vai trò nước ta trong các tiến trình đối thoại và hợp tác về đảm bảo ASXH. Mở rộng tham gia và đóng góp tích cực, chủ động, trách nhiệm vào các cơ chế, tổ chức, diễn đàn khu vực, đa phương và

toàn cầu, đặc biệt là Liên Hợp quốc, ASEAN về đảm bảo ASXH. Cùng với các nước, các tổ chức quốc tế đối phó với các thách thức trong đảm bảo ASXH như nghèo đói, bệnh tật, v.v.

Tăng cường trao đổi và tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia có mạng lưới ASXH hiện đại, đặc biệt là kinh nghiệm về ứng phó với các tác động xã hội, trong đó có việc duy trì lưới an toàn nhằm nâng cao tính công bằng về mặt cơ hội, phân bổ nguồn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, giảm đói nghèo và ổn định kinh tế vĩ mô.

Ba là, cải cách thể chế ASXH cho phù hợp với các tiêu chí quốc tế trên cả 3 phương diện: Thể chế chính sách, thể chế bộ máy và thể chế tài chính.

Trong điều kiện hiện nay, việc cải cách thể chế ASXH trong điều kiện hội nhập quốc tế cần đảm bảo tính toàn diện, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, bắt kịp với xu hướng phát triển của thế giới. Muốn đạt được mục đích như vậy thì, Nhà nước cần phải xử lý được 2 vấn đề chính yếu: 1) Cần nhận diện đầy đủ hệ thống thể chế ASXH của quốc tế và vai trò của Nhà nước trong việc thực thi các tiêu chuẩn đó (Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ; Mạng ASXH toàn cầu, sáng kiến sàn ASXH toàn cầu, v.v.); 2) Trên cơ sở thể chế ASXH quốc tế, Nhà nước hình thành các tiêu chí đảm bảo ASXH của Việt Nam. Chính việc nhận diện đầy đủ các yếu tố này sẽ giúp cho các cơ quan hoạch định chính sách có cơ sở để xây dựng chính sách ASXH phù hợp và có thể khai thông được các quan hệ với các đối tác và thích ứng được với quá trình vận động của cộng đồng quốc tế.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp lý trong lĩnh vực ASXH cho phù hợp với chuẩn mực và thông lệ của luật pháp quốc tế. Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hợp tác quốc tế về đảm bảo ASXH. Có văn bản hướng dẫn kịp thời và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ASXH.

Kết luận Chương 3

Trong bối cảnh hiện nay, phương hướng cơ bản để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ASXH đó là: *Hướng đến mục tiêu phát triển con người, đảm bảo công bằng xã hội, tiến bộ xã hội và hoàn thiện nền KTTT định hướng XHCN; xuất phát từ trình độ phát triển KT - XH của nước ta để nâng cao hiệu quả quản lý về ASXH; tạo sự liên kết giữa chính sách ASXH với các chính sách KT – XH khác; phát huy vai trò cộng đồng, truyền thống dân tộc, hợp tác quốc tế trong quản lý về ASXH; nâng cao hiệu quả QLNN về ASXH từ thực tiễn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng phải trên tinh thần kế thừa, sửa đổi, bổ sung những quy định hiện hành trong QLNN về ASXH.*

Để biến những chủ trương, chính sách đúng đắn thành kết quả cụ thể, Nhà nước cần quan tâm thực hiện các giải pháp sau: Hình thành khung chính sách ASXH năng động theo xu hướng cộng đồng quốc tế đang hướng tới; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn hệ thống luật về ASXH; hoàn thiện cơ chế tài chính cho hệ thống an sinh xã hội; Khuyến khích xã hội hoá, tăng cường sự tham gia của người dân vào việc thực hiện chính sách an sinh xã hội; kết hợp thực hiện chính sách an sinh xã hội với các chính sách kinh tế - xã hội khác; chủ động và tăng cường hợp tác quốc tế về thực hiện chính sách an sinh xã hội.

KẾT LUẬN

Quản lý nhà nước về ASXH cho người dân luôn là một đòi hỏi khách quan đối với bất kỳ nhà nước nào trên thế giới. Chính sách ASXH có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc duy trì sự ổn định, phát triển bền vững về chính trị, xã hội của đất nước. Chính vì tầm quan trọng của nó như vậy cho nên khi luận giải về chính sách ASXH đã xuất hiện nhiều quan điểm khác nhau. Tuy vậy, dù còn có những khác biệt về cách tiếp cận hay luận giải vấn đề thì bản chất chung nhất của chính sách ASXH là những chính sách bảo vệ của nhà nước nhằm hạn chế, phòng ngừa và khắc phục rủi ro cho các thành viên của mình khi họ bị mất hoặc giảm thu nhập do các nguyên nhân ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, già cả không còn sức lao động hoặc vì các nguyên nhân khách quan khác thông qua các chính sách BHXH, BHYT, BTHH, UĐXH và TGXH.

Trong quá trình xây dựng, phát triển địa phương, quận Ngũ Hành Sơn luôn coi trọng việc quản lý nhà nước về an sinh xã hội bởi an sinh xã hội là công cụ quan trọng thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm sự phát triển ổn định đời sống của người lao động, tạo cơ hội nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của quận Ngũ Hành Sơn nói riêng, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam nói chung.

Quận Ngũ Hành Sơn đã tập trung thực hiện các chương trình an sinh xã hội, góp phần thực hiện các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước. Qua nghiên cứu, tác giả nhận thấy rằng việc quản lý nhà nước về an sinh xã hội ở quận Ngũ Hành Sơn đã được triển khai tương đối đồng bộ, có hiệu quả cao, gắn với công tác kiểm tra, giám sát, tác động tích cực đến đời sống nhân dân trong quận Ngũ Hành Sơn.

Bên cạnh những thành công, công tác quản lý nhà nước về ASXH cũng đang bộc lộ những hạn chế cần khắc phục như: 1) *Hệ thống an sinh xã hội*

chưa đồng bộ, một số chương trình mang tính khả thi thấp.2) Nguồn tài chính thực hiện các chương trình an sinh xã hội thiếu bền vững.3) Nhận thức về chính sách an sinh xã hội mặc dù được cải thiện nhưng vẫn chưa đầy đủ. 4) Hệ thống văn bản pháp luật quy định về an sinh xã hội chưa đầy đủ và chưa hoàn thiện.5) Năng lực tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội chưa theo kịp với yêu cầu.6) Thể chế tài chính còn nhiều vướng mắc. Trách nhiệm của một số địa phương, đơn vị trong thực hiện an sinh xã hội chưa cao.7) Đội ngũ cán bộ làm công tác an sinh xã hội còn thiếu và tính chuyên nghiệp chưa cao.

Phương hướng nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ASXH: Hướng đến mục tiêu phát triển con người, đảm bảo công bằng xã hội, tiến bộ xã hội và hoàn thiện nền KTTT định hướng XHCN; xuất phát từ trình độ phát triển KT - XH của nước ta để nâng cao hiệu quả quản lý về ASXH; tạo sự liên kết giữa chính sách ASXH với các chính sách kinh tế xã hội khác; phát huy vai trò cộng đồng, truyền thống dân tộc, hợp tác quốc tế trong quản lý về ASXH; nâng cao hiệu quả QLNN về ASXH từ thực tiễn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng phải trên tinh thần kế thừa, sửa đổi, bổ sung những quy định hiện hành trong QLNN về ASXH.

Để biến những chủ trương, chính sách đúng đắn thành kết quả cụ thể, Nhà nước cần quan tâm thực hiện các giải pháp sau: Hình thành khung chính sách ASXH năng động theo xu hướng cộng đồng quốc tế đang hướng tới; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn hệ thống luật về ASXH; hoàn thiện cơ chế tài chính cho hệ thống an sinh xã hội; Khuyến khích xã hội hoá, tăng cường sự tham gia của người dân vào việc thực hiện chính sách an sinh xã hội; kết hợp thực hiện chính sách an sinh xã hội với các chính sách kinh tế - xã hội khác; chủ động và tăng cường hợp tác quốc tế về thực hiện chính sách an sinh xã hội.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mạc Tiến Anh (2005), *Bản chất và tính tất yếu khách quan của ASXH*, Tạp chí BHXH, số 2.
2. Ansel M. Sharp (2005), *Kinh tế học trong các vấn đề xã hội* (sách dịch), Nxb Lao động, Hà Nội.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2007), *Bàn về chiến lược phát triển KT - XH của Việt Nam trong thời kỳ mới*, Hà Nội.
4. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, *Dự thảo Chiến lược ASXH giai đoạn 2011 - 2020* (Dự thảo lần 7, Tài liệu báo cáo Quốc hội, 11/2009).
5. Bộ Tài chính (2009), *Chính sách ưu đãi thuế nhằm ngăn chặn suy giảm, duy trì tăng trưởng kinh tế đảm bảo ASXH*, Nxb Lao động, Hà Nội.
6. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 20
7. Nguyễn Văn Chiều (2012), *Chính sách ASXH và vai trò của nhà nước trong việc đảm bảo ASXH ở Việt Nam giai đoạn hiện nay*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2010 – 2012.
8. Chính phủ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, *Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 15/4/2007 về chính sách cứu trợ xã hội*.
9. Chính phủ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, *Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng quỹ Quỹ BHXH năm 2010*, Báo cáo số 22/BC-CP, ngày 8/03/2011.
10. Chương trình phát triển Liên hợp quốc, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Đại sứ quán Thụy Điển tại Việt Nam (2007), *Một số vấn đề KT - XH sau 20 năm đổi mới ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Mai Ngọc Cường (2009), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách ASXH ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. Bùi Thế Cường (2002), *Phúc lợi xã hội châu Á - Thái Bình Dương, phúc lợi doanh nghiệp*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Nguyễn Tân Dũng (2010), *Đảm bảo ngày càng tốt hơn ASXH và phúc lợi xã hội là một nội dung chủ yếu của Chiến lược phát triển KT - XH 2011 – 2020*, Tạp chí Cộng sản, số 9.
14. Nguyễn Hữu Dũng (2005), *Hoàn thiện hệ thống ASXH trong điều kiện phát triển thị trường ở Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 91.
15. Nguyễn Hữu Dũng (2008), *Kinh nghiệm giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và ASXH của Hoa Kỳ, Thụy Điển và Đức*, Tạp chí Lao động và Xã hội, số 15/3.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Nguyễn Văn Định (2008), *Giáo trình ASXH*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
19. Phạm Minh Đức (2006), *Một số khái niệm về cấu trúc của hệ thống ASXH hiện đại*, Tạp chí Lao động và Xã hội, số 284.
20. Phạm Văn Đức, Đặng Hữu Toàn, Nguyễn Đình Hoà (2010), *Vấn đề dân sinh và xã hội hài hoà*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
21. Đặng Hoàng Giang (1997), *Việt Nam hướng tới năm 2020: Mô hình và những kịch bản*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
22. Grosh M., Ninno C., Tesliuc E. và Ouerghi A. (2008), *Về bảo trợ xã hội và thúc đẩy xã hội: Thiết kế và triển khai hệ thống an sinh hiệu quả*, Nxb Văn hoá-Thông tin, Hà Nội.
23. Trần Hoàng Hải, Lê Thị Thuý Hương (2011), *Pháp luật ASXH: Kinh nghiệm của một số nước đối với Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. Hoàng Văn Hào, Chu Hồng Thanh (chủ biên) (1998), *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. *Hệ thống các văn bản pháp luật về BHXH* (2006), Nxb Lao động và Xã hội, Hà Nội.
26. *Hệ thống các văn bản pháp luật về UĐXH* (2006), Nxb Lao động, Hà Nội.
27. *Hệ thống văn bản pháp luật về chính sách cứu trợ xã hội và các cơ sở bảo trợ xã hội* (2007), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Nguyễn Thị Lan Hương (2009), *Chiến lược ASXH Việt Nam thời kỳ 2011 – 2020*, Tạp chí Lao động và Xã hội, số 19/Quý II.
29. Nguyễn Hải Hữu (2007), *Hệ thống ASXH ở Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.
30. Kornai J. và Eggleston K. (2002), *Chăm sóc sức khỏe cộng đồng – Phúc lợi, lựa chọn và đoàn kết trong chuyển đổi*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
31. Đỗ Tiên Kính (2005), *Kinh nghiệm của Nhật Bản về phát triển chính sách phúc lợi xã hội*, Tạp chí BHXH, số 9.
32. Trương Lai (1994), *Người cao tuổi và ASXH*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
33. *Luật Bảo hiểm xã hội* (2014), Nxb Tư pháp, Hà Nội.
34. Max J. Skidmore (2001), *Why Privatization Is Not The United States Social Security Policy Agenda In The Marketization of Social Security*. Quorum Books Westport, Connecticut, London, First published in 2001.